

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN



ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH
NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH)
MÃ NGÀNH: 7340205

Cơ quan chủ trì: TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ
TRUYỀN THÔNG VIỆT - HÀN, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Khu đô thị Đại học Đà Nẵng,
470 Đường Trần Đại Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ
Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3667131

Fax: 0236 3667117

Website: <http://www.vku.udn.vn/>

Đà Nẵng, năm 2025

MỤC LỤC

I.	MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO	1
II.	SỰ CẦN THIẾT VỀ VIỆC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	3
III.	TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	7
1.	Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo ...	7
2.	Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo	24
3.	Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo.....	41
3.1.	Bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo	41
3.2.	Hoạt động NCKH & HTQT	43
4.	Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo.....	43
IV.	PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO	64
1.	Giải pháp và lộ trình thực hiện	64
2.	Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro	66
V.	ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN.....	67
1.	Thông tin công khai	67
2.	Đề nghị của cơ sở đào tạo	67
3.	Cam kết triển khai thực hiện	68
PHỤ LỤC 1: MINH CHỨNG KHẢO SÁT CÁC BÊN LIÊN QUAN.....		Error!
Bookmark not defined.		
PHỤ LỤC 1.1. KHẢO SÁT DOANH NGHIỆP VỀ NHU CẦU SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH).....		Error!
Bookmark not defined.		
PHỤ LỤC 1.2. NHU CẦU HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH) CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG.....		Error!
Bookmark not defined.		
PHỤ LỤC 1.3. XU HƯỚNG VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN ĐÃ TỐT NGHIỆP		Error!
Bookmark not defined.		
PHỤ LỤC 1.4. Ý KIẾN CỦA GIẢNG VIÊN VỀ VIỆC MỞ NGÀNH CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH).....		Error!
Bookmark not defined.		
PHỤ LỤC 2: MINH CHỨNG NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO		Error!
Bookmark not defined.		
PHỤ LỤC 3: VĂN BẢN LIÊN QUAN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO		Error!
Bookmark not defined.		

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Tóm tắt mô tả danh sách giảng viên cơ hữu Ngành Công nghệ tài chính (Fintech).....	13
Bảng 2. Danh sách các phần mềm hỗ trợ các học phần Ngành Công nghệ tài chính (Fintech).....	25
Bảng 3. Phòng học, giảng đường và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	28
Bảng 4. Phòng thực hành phục vụ đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) .	29
Bảng 5. Mức độ đáp ứng quy định ứng dụng công nghệ thông tin.....	30
Bảng 6. Ban chủ nhiệm Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử	42
Bảng 7. Hội đồng khoa học đào tạo cấp khoa	42
Bảng 8. Tỷ lệ phân bổ % các khối kiến thức trong CTĐT	47
Bảng 9. Khung chương trình đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)	48
Bảng 10. Ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của CTĐT	54
Bảng 11. Quy mô tuyển sinh dự kiến	60
Bảng 12. Danh sách các doanh nghiệp tham gia ký kết hợp tác trong đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech).....	62

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Các website hỗ trợ quản lý, giảng dạy và học tập.....	27
Hình 2. Thư viện tài nguyên số VKU.....	28
Hình 3. Roadmap chương trình đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)	53
.....	53

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN
Số:...../ĐA-ĐHVH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày tháng.... năm 2025

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Công nghệ tài chính; Mã số: 7340205

Trình độ đào tạo: Đại học (cử nhân)

I. MỘT SỐ THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn (VKU) là thành viên của Đại học Đà Nẵng với nền tảng về uy tín trong chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường đang phát triển nhanh ở miền Trung và Tây Nguyên Việt Nam. Với ưu thế về cơ sở vật chất được xây dựng khang trang, tiện nghi với sự tài trợ của chính phủ Hàn Quốc, đội ngũ giảng viên chất lượng cao được đào tạo bài bản từ các nước Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc... VKU bước đầu khẳng định được thương hiệu uy tín trong hệ thống giáo dục đào tạo của các trường công lập.

TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TÂM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

- Triết lý giáo dục

“Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng”

Nhân bản: Nhân là người, bản là gốc => cái gốc của con người. Là cái gốc của đạo làm người/Nhân bản là những đức tính chính yếu của một con người. Con người từ lúc sinh ra, từ bản chất là lương thiện. Giáo dục nhân bản hướng đến con người trưởng thành lương thiện, đạo đức trong xã hội và nghề nghiệp.

Phụng sự: hết lòng hết sức phục vụ. Ở đây là phụng sự cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo; cho sự phát triển và hạnh phúc của con người, tổ quốc và nhân loại.

Khai phóng: Khai minh và Giải phóng. Khai Minh là thâm nạp kiến thức để mở mang hiểu biết, phá vỡ những hiểu biết sai lầm và dung nạp kiến thức mới. Khai minh cũng có nghĩa là khai mở sự sáng hoặc chiếu ánh sáng vào những nơi còn mù mờ. Giáo dục khai phóng (Liberal Education) là một nền giáo dục giải phóng trí tuệ con người để theo đuổi những chân lý mà không bị phủ mờ bởi giáo điều, ý thức hệ hay những định kiến. Người được giáo dục một cách khai phóng có tư duy độc lập, tư duy rộng và mở, và không dễ bị lũng đoạn, không dễ thành kiến hay định kiến.

- Tâm nhìn

Là một thành viên của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền Thông Việt Hàn, Đại học Đà Nẵng. Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử nhận thức sâu sắc về vai trò và trách nhiệm đối với sự phát triển tri thức khoa học, ứng dụng khoa học và tạo dựng nguồn nhân lực Kinh tế số cho địa phương, và cả nước. Khoa Kinh tế số và Thương

mại điện tử mong muốn và phấn đấu trở thành đơn vị định hướng ứng dụng hàng đầu về giảng dạy, nghiên cứu ứng dụng Kinh tế số và theo mô hình quản trị tiên tiến.

- Sứ mạng

Chuyên đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phục vụ cộng đồng; nghiên cứu khoa học; chuyển giao tri thức và công nghệ về kinh tế số và các lĩnh vực liên quan nhằm phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế.

Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử trực thuộc Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền Thông Việt - Hàn được thành lập theo Quyết định số 1659/QĐ-ĐHDN ngày 19 tháng 05 năm 2020 của Giám đốc Đại Học Đà Nẵng. Khoa có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng triển khai thực hiện các nội dung công tác:

Quản lý chuyên môn về đào tạo các học phần thuộc kiến thức cơ sở cho các ngành khối kinh tế của Nhà trường, quản lý hoạt động KHCN, xây dựng nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập; quản lý đội ngũ giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy đã được phân công.

Hiện nay, Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử có 48 giảng viên tham gia sinh hoạt chuyên môn, trong đó 36 giảng viên cơ hữu, 12 giảng viên đang làm công tác kiêm nhiệm tại các đơn vị, phòng ban trực thuộc trường với 100% trình độ thạc sĩ trở lên, trong đó có 16 tiến sĩ tốt nghiệp từ các nước Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc..vv. Tập thể giảng viên của Khoa có chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm giảng dạy, tâm huyết với nghề, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng cập nhật, hiện đại, hòa nhập với khu vực và quốc tế.

Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử xác định đào tạo theo định hướng ứng dụng, luôn hướng đến chất lượng phù hợp nhu cầu của xã hội; khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sự đổi mới, sáng tạo và cống hiến trong đào tạo và NCKH. Đồng thời, Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử cam kết mang đến cho người học chất lượng đào tạo tốt nhất. Giảng viên và sinh viên luôn đề cao tinh thần phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân; đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam. Môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, tôn trọng, bình đẳng và khuyến khích phát triển.

Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH đã trở thành hoạt động bắt buộc đối với giảng viên trong Khoa. Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử đã thực hiện nhiều đề tài NCKH cấp Bộ, Sở, cấp cơ sở; công bố nhiều bài báo trên các tạp chí khoa học và hội thảo khoa học trong và ngoài nước; tổ chức biên soạn và điều chỉnh bổ sung giáo trình, tài liệu học tập, tài liệu chuyên khảo, ngân hàng đề thi. Các kết quả nghiên cứu của giảng viên đáp ứng tốt yêu cầu trong công tác đào tạo và phục vụ xã hội.

Với kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên, những nỗ lực và định hướng chiến lược phát triển trong thời gian tới, Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử - Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng khẳng định có đủ

nhân lực và cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học Ngành Công nghệ tài chính (FinTech), cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.

II. SỰ CẦN THIẾT VỀ VIỆC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1. Sự phát triển vượt bậc của Kinh tế số và chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính

Sự phát triển của Công nghệ thông tin và truyền thông mới (ICT) là nhân tố chủ chốt của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. ICT đã trở thành 1 nhân tố sản xuất quan trọng trong nền kinh tế, từ đó xuất hiện hàng loạt các hoạt động kinh tế xã hội sử dụng ICT trong môi trường internet và hình thành nên hệ sinh thái kinh tế số bao gồm: kinh doanh điện tử (e-business), thương mại điện tử (e-commerce), nội dung số (e-content), Marketing kỹ thuật số (Digital marketing), kinh tế chia sẻ (Sharing economy), chính phủ điện tử (E-government). Các công nghệ kỹ thuật số với các kỹ thuật điển hình là điện toán đám mây, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo... đã và đang làm thay đổi mạnh mẽ ở hầu hết các hoạt động trong xã hội từ cách sống, làm việc, mua sắm, tiêu thụ và sản xuất hàng hoá dịch vụ

Cùng với sự phát triển của kinh tế số, khu vực tài chính là ngành sử dụng công nghệ số từ rất sớm thông qua việc số hoá các dịch vụ tài chính. Trong nhiều thập kỷ qua, các doanh nghiệp tài chính, hệ thống ngân hàng đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ nhằm cải thiện hiệu quả của hệ thống các sáng tạo tài chính (Financial Innovation), từ đó nhiều sản phẩm tài chính đã ra đời như chuyển tiền điện tử tại điểm bán hàng (EFTPOS), máy rút tiền tự động (ATM), hệ thống tài chính viễn thông liên ngân hàng toàn cầu (Society for Worldwide Interbank Financial Telecommunication- SWIFT), trao đổi dữ liệu điện tử (EDI), ngân hàng di động và những năm gần đây là hoạt động cho vay ngang hàng (Peer to peer lending), huy động vốn cộng đồng (Equity-based crowdfunding), thanh toán di động (Mobile payment), ngân hàng chuỗi khối (blockchain banking), ngân hàng điện tử (Digital banking), tiền điện tử, hay còn gọi là tiền mã hóa (cryptocurrency) với ví dụ điển hình là BITCOIN (ra đời vào năm 2009).

Tương lai của ngành tài chính là Fintech, với sự kết hợp giữa tài chính và Công nghệ kỹ thuật số

Các đổi mới sáng tạo tài chính trên nền tảng công nghệ đã tạo ra các mô hình kinh doanh mới, các công nghệ quản lý mới và các sản phẩm tài chính mới tạo nên những tác động vô cùng to lớn, mạnh mẽ ở cả chiều sâu lẫn diện rộng đến tất cả hoạt động của các tổ chức tài chính, thị trường tài chính, các hoạt động cung cấp các dịch vụ tài chính và cả các đơn vị quản lý nhà nước

Hoạt động cung ứng dịch vụ tín dụng, thanh toán không còn là thế mạnh độc quyền của các ngân hàng khi các công ty công nghệ khổng lồ như Apple, Google, Amazon và Facebook tại Hoa Kỳ, Alibaba và Tencent tại Trung Quốc, tại Việt Nam là Momo đã phát triển các giải pháp cho phép các công cụ thanh toán của mình có thể kết hợp với các ngân hàng. Amazon cung cấp các khoản vay cho các doanh nghiệp nhỏ với tổng dư nợ lên đến 3 tỷ USD. Facebook cho phép người sử dụng tại Hoa Kỳ thanh toán cho những người khác trong danh sách bạn bè và cũng đang lấn sân sang lĩnh vực cho vay

các doanh nghiệp nhỏ. Ở Việt Nam, giới trẻ cũng đã khá quen thuộc với các công ty công nghệ tài chính với các dịch vụ ví điện tử như Momo, Zalopay Timo, Grabpay,...Hơn bao giờ hết, các ngân hàng và các tổ chức tài chính truyền thống khác đang đứng trước thách thức, áp lực buộc phải sáng tạo và đổi mới để tồn tại và phát triển.

Sự phát triển của Công nghệ tài chính (Fintech) cũng như bất kỳ cải tiến, đổi mới đã từng xuất hiện trong lịch sử buộc các chính phủ phải có những phản ứng phù hợp. Thách thức đặt ra là làm thế nào để cân bằng giữa các mục tiêu tạo điều kiện cho đổi mới, phát triển, cạnh tranh bình đẳng đồng thời đảm bảo sự ổn định của thị trường tài chính và bảo vệ khách hàng.

Việt Nam với 67% dân số hiện đang sinh sống ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa vốn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ tài chính, ngân hàng. Hệ thống các chi nhánh, phòng giao dịch ngân hàng hay mạng lưới ATM của các ngân hàng có độ bao phủ thấp do hiệu quả kỳ vọng mang lại so với chi phí đầu tư là thấp và chưa đáp ứng được yêu cầu kinh doanh của các ngân hàng. Do không thể tiếp cận các dịch vụ của các ngân hàng nên hiện nay, người dân sinh sống tại các khu vực này đang phải sử dụng các kênh thanh toán, chuyển tiền không chính thức có độ an toàn thấp và rủi ro cao. Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận điện thoại di động và Internet của người dân Việt Nam ở mức rất cao. Đến đầu năm 2024, Việt Nam có 78,8 triệu dân sử dụng Internet, đứng vị trí thứ 6 khu vực Châu Á Thái Bình Dương và vị trí 13 trên thế giới (Theo Internet World Stats), tỉ lệ tiếp cận Internet đạt 79,1% và về kết nối di động, tổng số kết nối di động ở Việt Nam đạt 168,5 triệu, tương đương với 169,8% tổng dân số vào đầu năm 2024. Thêm vào đó, sự am hiểu lĩnh vực công nghệ thông tin của người trẻ tuổi, sự phát triển của công nghệ thông tin là những yếu tố thuận lợi để phát triển các dịch vụ tài chính dựa trên nền tảng kỹ thuật số tại Việt Nam trong tương lai.

Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 khẳng định sự phát triển của công nghệ với mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có vai trò quyết định của các công nghệ cốt lõi đối với tương lai của lĩnh vực tài chính. Chính vì vậy, hiện nay lĩnh vực tài chính cũng đang trải qua quá trình dịch chuyển mang tính nền tảng lớn nhất trong lịch sử phát triển, phải đối mặt với áp lực cần phải đổi mới để có thể duy trì và phát triển. Đồng thời chất lượng dịch vụ cũng tăng lên rõ rệt bởi độ chính xác và nhanh nhạy của những phần mềm thông minh vượt trội so với con người. Quy trình đánh giá rủi ro trong các tổ chức tài chính, ngân hàng và các định chế tài chính vốn phức tạp đã có thể được thay thế một phần bởi chuỗi phân tích dữ liệu chính xác và nhanh gọn. Đặc biệt là khâu kiểm soát dữ liệu, đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật cho các khách hàng và các tổ chức tài chính được nâng cấp vượt trội nhờ những công nghệ bảo mật của Công nghệ tài chính (Fintech). Chính những thay đổi mang tính bản lề đối với hoạt động tài chính, nên trong tương lai, gần như chắc chắn các tổ chức tài chính, doanh nghiệp cần ứng dụng hoạt động Công nghệ tài chính (Fintech) vào định hướng phát triển. Do vậy, có thể nói chuyên Công nghệ tài

chính (Fintech) là kết quả của quá trình chuyển đổi số hiện nay và sẽ là tương lai của ngành tài chính.

1.2. Sự phù hợp với xu hướng thị trường, định hướng phát triển của quốc gia, khu vực và thành phố Đà Nẵng

Việc mở ngành Công nghệ tài chính là thật sự cần thiết vì nó phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia. Một số thông tin ngay sau đây là minh chứng cho sự phù hợp này:

Thứ nhất, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 bùng nổ mạnh mẽ, toàn diện và sâu rộng đã tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của nền kinh tế và làm cho bản chất của thị trường thay đổi, dịch chuyển từ truyền thống sang hướng công nghệ số.

Thứ hai, Việt Nam vốn là một trong những nước có số lượng người dùng Internet chiếm tỷ lệ cao nhất. Theo số liệu thống kê về tỉ lệ người dùng Internet tại Việt Nam, WeAreSocial đã công bố báo cáo thị trường Digital năm 2023, tính đến tháng 2/2023, tổng dân số Việt Nam tính đến tháng 2/2023 là 98,56 triệu dân, tăng từ 97,96 triệu người (năm 2022). Trong đó, có 72,10 triệu người dùng Internet tương ứng với tỷ lệ thâm nhập là 73,2% – tăng 4,9% so với cùng kỳ năm 2021. Số tài khoản mạng xã hội được kích hoạt là 76,95 triệu, tương ứng với mức độ thâm nhập là 78,1%. Con số này tăng gần 5 triệu so với cùng kỳ năm trước, và tăng mạnh đến gần 12 triệu tài khoản so với cùng kỳ năm 2020. Tới thời điểm tháng 9/2023, Việt Nam là quốc gia có lượng người dùng Internet cao thứ 12 trên toàn thế giới. Sự hỗ trợ của Chính phủ trong việc đẩy mạnh thanh toán qua thiết bị di động; tỷ lệ người trẻ đang chiếm ưu thế tại một quốc gia dân số đông như Việt Nam sẽ tạo ra một lượng cầu tiềm năng rất lớn đối với lĩnh vực Fintech. Theo Báo cáo toàn cảnh công nghệ thông tin Việt Nam 2023 của TopDev - nền tảng tuyển dụng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, số lượng người dùng dịch vụ thanh toán điện tử (giao dịch qua mạng Internet và điện thoại di động) năm 2023 là khoảng 36,2 triệu người, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2022. Giá trị thanh toán qua thiết bị di động tại Việt Nam theo dự báo của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) được dự kiến tăng từ 16 tỷ USD vào năm 2016 lên khoảng 70,9 tỷ USD vào năm 2025, tương đương mức tăng hơn 4 lần.

Thứ ba, từ năm 2020 đại dịch COVID-19 kéo dài đi kèm những đợt giãn cách xã hội bất ngờ đã khiến nhu cầu sở hữu và sử dụng thiết bị truy cập Internet để làm việc, học tập, giải trí tại nhà tăng cao và làm thay đổi sâu sắc văn hóa tiêu dùng của khách hàng. Họ chọn lựa sản phẩm, tìm kiếm thông tin và ra quyết định mua sắm trực tuyến nhiều hơn khiến thương mại điện tử trỗi dậy và phát triển mạnh mẽ. Theo báo cáo Xu hướng số của người dùng trên không gian mạng năm 2022,2023 xu hướng nổi bật nhất của người dùng Việt trên Internet chính là mua sắm trực tuyến và thanh toán phi tiền mặt. Đặc biệt, ở đâu có người dùng số, ở đó có thương mại điện tử. Điều này thể hiện rõ sự quan tâm của người dân cho nhu cầu dịch chuyển số trong tiêu dùng, nhất là trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam đã và đang đẩy mạnh chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực. Nhu cầu tài chính cá nhân ở Việt Nam được cho là sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời

gian tới. Cũng theo dự báo của NHNN, đến năm 2025, tín dụng cá nhân sẽ chiếm khoảng 24% thị trường ứng dụng công nghệ trong dịch vụ tài chính. Điều này cho thấy, thị trường Việt Nam có tiềm năng phát triển cao, có thể trở thành một thị trường có sức hấp dẫn rất lớn đối với các sản phẩm Fintech.

Thứ tư, kế hoạch phát triển Thương mại điện tử (TMĐT) quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 có mục tiêu đưa TMĐT trở thành một trong các lĩnh vực tiên phong của nền kinh tế số, nơi các công nghệ tiên tiến của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được ứng dụng rộng rãi để tăng hiệu quả của chu trình kinh doanh, góp phần hiện đại hóa hệ thống phân phối, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu. Kế hoạch này gắn kết chặt chẽ với các chiến lược, chính sách về chủ động tham gia CMCN 4.0, định hướng phát triển kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia. Bên cạnh đó, Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 3/6/2020 đã đưa ra mục tiêu: Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chính phủ điện tử, liên quan đến phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đến năm 2025, kinh tế số chiếm 20% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%. Đến năm 2030, kinh tế số chiếm 30% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

Thứ 5, Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24/01/2019, “Về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, khẳng định thành phố Đà Nẵng giữ vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, quốc phòng, an ninh của khu vực và cả nước; trong đó, xác định mục tiêu xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á, với vai trò là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin... Trên cơ sở đó, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách để cụ thể hóa các định hướng đã được xác định trong Nghị quyết số 43-NQ/TW. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận chủ trương cho phép nghiên cứu, lập Đề án xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quy mô khu vực. Tiếp theo đó, Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 03/11/2022, của Bộ Chính trị, “Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và mới đây nhất là Nghị quyết 136/2024/QH15 của Quốc hội “Về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng” đã thống nhất phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính triển khai theo lộ trình, trong đó, giai đoạn 2024-2030, tập trung phát triển kết cấu hạ tầng Trung tâm tài chính Đà Nẵng, bao gồm hạ tầng cứng, như văn phòng, khu phức hợp; và hạ tầng mềm, như hạ tầng tài chính, công nghệ thông tin; thu hút các định chế tài chính quốc tế và doanh nghiệp công nghệ có ảnh hưởng trên thế giới, triển khai dần các hoạt động của một trung tâm tài chính; phát triển các kết cấu hạ tầng kỹ thuật và không gian

hoạt động cho fintech; nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện và sửa đổi, bổ sung các quy định pháp lý có liên quan.

1.3. Sự phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường, khoa chuyên môn

Mở ngành Công nghệ tài chính là phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường, khoa chuyên môn được thể hiện qua những điểm sau:

Thứ nhất, ngành Công nghệ tài chính (Fintech) theo định hướng ứng dụng với sự ứng dụng Công nghệ vào lĩnh vực Tài chính là rất phù hợp với thế mạnh, nhiệm vụ của nhà trường là đào tạo chuyên môn hóa về công nghệ thông tin, truyền thông và kinh tế số và xu hướng phát triển hiện nay của thế giới.

Thứ hai, mở ngành Công nghệ tài chính phù hợp với chủ trương của lãnh đạo nhà trường về việc đón đầu các xu hướng, nhu cầu của các bên liên quan. Theo những số liệu và phân tích ở trên, xu hướng và nhu cầu của các bên liên quan về nguồn nhân lực Fintech thực sự rất cao. Do vậy, lãnh đạo nhà trường đã nhận ra và đồng tình với đề xuất từ khoa chuyên môn.

Thứ ba, ngành Công nghệ tài chính theo định hướng ứng dụng với sự kết hợp giữa Tài chính & Công nghệ phù hợp với chiến lược khác biệt hóa mà Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng (VKU) muốn nhấn mạnh từ ngày đầu thành lập so với các cơ sở đào tạo tương đương bằng việc phát triển các chuyên ngành Quản trị du lịch và lữ hành số, Quản trị logistics và chuỗi cung ứng số, Marketing kỹ thuật số.

Thứ tư, khả năng kết hợp liên ngành tài chính, công nghệ thông tin của ngành Công nghệ tài chính góp phần hiện thực hóa chủ trương kết nối, tạo nên các thể hệ sinh viên năng động, nỗ lực hết mình.

Xét thấy nhu cầu cần thiết trong việc mở rộng ngành đào tạo nhằm đa dạng hóa các ngành nghề đào tạo, nhà trường chủ trương mở ngành Công nghệ tài chính nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong thời đại số.

III. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Khả năng đảm bảo các điều kiện giảng dạy khi mở Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) được thể hiện qua: số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình; hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

1. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

Đội ngũ cán bộ viên chức, quản lý và giảng viên của Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn đáp ứng số lượng và đảm bảo chất lượng để triển khai các chương trình đào tạo của Nhà trường. Hiện nay, số lượng cán bộ viên chức là 250 (định hướng thời gian đến sẽ là 400 CBVC), trong đó giảng viên là 139 (gồm 02 Phó Giáo sư và 42 Tiến sĩ; 100% giảng viên đạt trình độ từ thạc sĩ; 19 nghiên cứu sinh) được đào tạo từ các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới như: Mỹ, Pháp, Nhật Bản, Anh Quốc, Hàn Quốc, New Zealand, Úc,...

Về đội ngũ giảng viên, Ngành Công nghệ tài chính (Fintech), Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử thuận lợi khi có nguồn lực 1 Phó Giáo sư ngành Tài chính, 4 Tiến sĩ các ngành liên quan, 12 Tiến sĩ các ngành gần, cùng rất nhiều tiến sĩ ngành Công nghệ Thông tin đang giảng dạy tại các khoa chuyên môn của trường; cùng rất nhiều các giảng viên ở các ngành có liên quan đáp ứng điều kiện mở ngành theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đủ năng lực cho công tác đào tạo trong ít nhất 5-10 năm tiếp theo. Cụ thể như sau:

1.1. PGS. TS. Nguyễn Thành Đạt

PGS.TS. Nguyễn Thành Đạt, Phó Trưởng ban, Ban Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Đại học Đà Nẵng. PGS.TS Nguyễn Thành Đạt tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Đại học La Trobe, nước Úc vào năm 2015; Được công nhận PGS vào năm 2023 với các lĩnh vực nghiên cứu về Tài chính và Tài chính Công. PGS. TS Nguyễn Thành Đạt có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy Đại học, Cao học và hướng dẫn nghiên cứu sinh thạc sĩ, tiến sĩ. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, hầu hết các nghiên cứu của PGS. TS Nguyễn Thành Đạt tập trung vào lĩnh vực Tài chính với nhiều đề tài cấp ĐHQĐN, cấp nhà nước và các công trình nghiên cứu khoa học trong nước và Quốc tế

1.2. Tiến sĩ Lê Hà Như Thảo

Tiến sĩ Lê Hà Như Thảo, tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Kế toán năm 2023. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Quản trị kinh doanh, Tài chính, Kế toán. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, hầu hết các nghiên cứu của TS. Lê Hà Như Thảo đều tập trung vào lĩnh vực Quản trị kinh doanh và Tài chính với các chủ đề liên quan Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, Phát triển bền vững, Công nghệ Tài chính.

1.3. Tiến sĩ Nguyễn Thị Kim Ngọc

Tiến sĩ Nguyễn Thị Kim Ngọc tốt nghiệp Tiến sĩ ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng năm 2023. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Kế toán, Tài chính. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, hầu hết các nghiên cứu của TS. Nguyễn Thị Kim Ngọc đều tập trung vào lĩnh vực Kế toán, tài chính doanh nghiệp và các lĩnh vực liên quan khác.

1.4. Tiến sĩ Nguyễn Thị Thu Đến

Tiến sĩ Nguyễn Thị Thu Đến, tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Nhật Bản năm 2017. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Quản trị bền vững, Kế toán quản trị bền vững, Quản trị rủi ro, Quản trị tài chính và Quản trị chuỗi cung ứng. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, hầu hết các nghiên cứu của TS. Nguyễn Thị Thu Đến tập trung vào lĩnh vực Quản trị phát triển bền vững và ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực kế toán quản trị và Quản trị tài chính trong các doanh nghiệp và tổ chức tài chính.

1.5. Tiến sĩ Lê Thị Minh Đức

Tiến sĩ Lê Thị Minh Đức, tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Soongsil, Seoul, Hàn Quốc. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Quản trị nguồn lực doanh nghiệp và Hệ thống thông tin quản lý. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực

nghiên cứu của mình, hầu hết các nghiên cứu của TS. Lê Thị Minh Đức đều tập trung vào lĩnh vực Quản trị kinh doanh với các chủ đề liên quan đến Quản trị nguồn lực doanh nghiệp và Hệ thống thông tin quản lý. Các học phần giảng dạy trong Ngành Công nghệ tài chính (Fintech): Kinh tế vĩ mô,

1.6. Tiến sĩ Nguyễn Thị Thanh Huyền

Tiến sĩ Nguyễn Thị Thanh Huyền, tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Kinh tế học tại Liên Bang Nga năm 2022. Lĩnh vực nghiên cứu chính là kinh tế đổi mới và tài chính. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, phần lớn các nghiên cứu của TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền tập trung vào lĩnh vực Quản trị kinh doanh và tài chính với các chủ đề liên quan đến Hệ thống đổi mới quốc gia, khởi nghiệp, quản trị đổi mới sáng tạo và tài chính.

1.7. Tiến sĩ Nguyễn Quang Vũ

Tiến sĩ Nguyễn Quang Vũ, tốt nghiệp Tiến sĩ ngành Khoa học máy tính tại Trường Đại học Bách Khoa Wrocław, Ba Lan năm 2016. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Trí tuệ nhân tạo, Công nghệ phần mềm, Khoa học dữ liệu và Đảm bảo chất lượng phần mềm. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, phần lớn các nghiên cứu của Tiến sĩ Nguyễn Quang Vũ tập trung vào lĩnh vực công nghệ thông tin với các chủ đề kiểm thử phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế và khoa học sức khỏe, ứng dụng công nghệ thông tin trong các bài toán tối ưu và dự báo. Các học phần chính tham gia giảng dạy bao gồm Công nghệ phần mềm, Đo lường và đánh giá phần mềm, Quản trị dự án phần mềm, Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm, Phân tích và thiết kế giải thuật.. Các học phần giảng dạy trong Ngành Công nghệ tài chính (Fintech): Lập trình Python, Ứng dụng Công nghệ học máy vào lĩnh vực tài chính; Quản trị dự án Công nghệ tài chính.

1.8. Tiến sĩ Trần Văn Đại

TS. Trần Văn Đại tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học máy tính tại Hàn Quốc năm 2020. Lĩnh vực nghiên cứu chính là công nghệ và lập trình web, blockchain và flash memory. Toàn bộ nghiên cứu của TS. Trần Văn Đại đều tập trung vào các lĩnh vực nêu trên. Đến nay TS. Trần Văn Đại đã xuất bản hơn 10 bài báo khoa học trong và ngoài nước. Các học phần giảng dạy trong Ngành Công nghệ tài chính (Fintech): Lập trình Python nâng cao.

1.9. Tiến sĩ Hồ Văn Phi

TS. Hồ Văn Phi, Phó Trưởng phòng, phụ trách Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt-Hàn, Đại học Đà Nẵng. TS Hồ Văn Phi tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Đại học Soongsil, Hàn Quốc. TS Hồ Văn Phi có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy Đại học và nghiên cứu khoa học. Trong những năm gần đây, với xu hướng phát triển của lĩnh vực phân tích dữ liệu và học máy, học sâu, TS Hồ Văn Phi tập trung vào lĩnh vực phân tích dữ liệu về Thị trường, Tài chính với nhiều dự án cá nhân.

1.10. Tiến sĩ Phan Văn Thành

TS. Phan Văn Thành, Giảng viên Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử, Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt-Hàn, Đại học Đà Nẵng. TS Phan Văn Thành tốt nghiệp Tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học và Ứng dụng Quốc gia Cao Hùng (Đài Loan). TS. Phan Văn Thành có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy Đại học và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế tài chính. Cụ thể là lượng hóa mô hình kinh tế, tài chính và dự báo.

1.11. Thạc sĩ Lương Thủy Tiên

Thạc sĩ Lương Thủy Tiên tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ tài chính (Fintech) tại Pháp năm 2023. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Tài chính, Công nghệ tài chính. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, phần lớn các nghiên cứu của tôi tập trung vào lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, công nghệ tài chính và ứng dụng công nghệ trong doanh nghiệp với các chủ đề liên quan đến các vấn đề về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị) trong doanh nghiệp, và ứng dụng công nghệ số như chuỗi khối (blockchain) trong việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ tài chính.

Ngoài ra, Thạc sĩ Lương Thủy Tiên cũng quan tâm đến việc khai thác tiềm năng của công nghệ số nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực giáo dục. Các học phần tham gia giảng dạy bao gồm: Công nghệ Blockchain & Tiền số; Ứng dụng phần mềm tài chính; Quy định trong Fintech và Thị trường tài chính số quốc tế; Ngân hàng số và Công nghệ bảo hiểm.

1.12. Thạc sĩ Nguyễn Thị Khánh My

Thạc sĩ Nguyễn Thị Khánh My tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Đại học Chang Gung, Đài Loan năm 2017. Lĩnh vực nghiên cứu chính là thanh toán điện tử và Fintech Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, phần lớn các nghiên cứu của bản thân tập trung vào lĩnh vực Fintech với các chủ đề chính sách điều hành công nghệ Fintech, hành vi người tiêu dùng khi sử dụng thanh toán thông qua điện thoại thông minh và thanh toán điện tử. Các học phần tham gia giảng dạy bao gồm: Kinh tế vi mô, Quản trị ngân hàng thương mại, Quản trị tài chính.

1.13. Thạc sĩ Trần Thị Mỹ Châu

Thạc sĩ Trần Thị Mỹ Châu, tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Kế toán tại Việt Nam năm 2008. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Kế toán, tài chính. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, phần lớn các nghiên cứu của tôi tập trung vào lĩnh vực kế toán, tài chính. với các chủ đề. về kế toán, kế toán quản trị, phân tích tài chính... Các học phần tham gia giảng dạy bao gồm: Nguyên lý kế toán, kế toán quản trị

1.14. Thạc sĩ Nguyễn Linh Giang

Thạc sĩ Nguyễn Linh Giang tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán tại Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam năm 2012, hiện đang là Kế toán trưởng – Phó Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Tài chính đồng thời là giảng

viên Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt – Hàn (VKU). Với hơn 17 năm kinh nghiệm giảng dạy trong lĩnh vực Kế toán - Tài chính tại các trường cao đẳng và đại học, 2 năm làm cố vấn tài chính cho một công ty công nghệ thông tin, 5 năm làm Kế toán Trưởng – Phó Trưởng phòng Kế hoạch tài chính của Trường VKU. Với tư cách là giảng viên, Cô đã cùng các đồng nghiệp biên soạn thành công các giáo trình lưu hành nội bộ trong lĩnh vực Kế toán – Tài chính như Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính, Phân tích báo cáo tài chính... Với các hướng nghiên cứu chính liên quan đến Phân tích tài chính doanh nghiệp, Ứng dụng phần mềm tài chính, Quản trị tài chính số.

Các môn giảng dạy trong ngành Quản trị tài chính số: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính, Ứng dụng phần mềm tài chính.

1.15. Thạc sĩ Vũ Thị Tuyết Mai

Thạc sĩ Vũ Thị Tuyết Mai tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Kế toán tại Trường Đại học Kinh tế năm 2017, hiện đang là giảng viên khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử, trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn. Với hơn 10 năm kinh nghiệm giảng dạy trong lĩnh vực Kế toán tài chính ở các học phần Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính, Kế toán ảo và Kế toán máy. Với hướng nghiên cứu các lĩnh vực về kế toán - tài chính, Giảng viên đã tham gia và chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở. Các công bố nghiên cứu đã được giảng viên đăng ở tạp chí chuyên ngành: Tạp chí Nghiên cứu kinh tế của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Tạp chí Khoa học và quản lý kinh tế của Đại học Kinh tế Huế, Tạp chí Tài chính - Kế toán của Bộ tài chính,... Các học phần giảng dạy trong ngành Công nghệ tài chính: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính, Thanh toán quốc tế...

1.16. Thạc sĩ Trương Hoàng Tú Nhi

Giảng viên Trương Hoàng Tú Nhi tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán tại Đại học Nguyên Trí (Yuan Ze University), Đài Loan năm 2017. Cô hiện đang là giảng viên khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn. Cô có hơn 12 năm kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học liên quan đến các lĩnh vực Tài chính, Kế toán, Kiểm toán cũng như Ứng dụng công nghệ thông tin trong tài chính, kế toán. Các học phần từng tham gia giảng dạy gồm: Nguyên lý kế toán, Kiểm toán căn bản, Kinh tế Vĩ mô, Kế toán tài chính, Tiếng Anh chuyên ngành,...

1.17. Ths. Nguyễn Thu Ngân

Tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Kế toán tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng năm 2018, hiện đang là giảng viên Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn. Với hơn 10 năm làm việc tại trường, cô có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến các lĩnh vực Tài chính, Kế toán cũng như Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán – tài chính. Các môn từng tham gia giảng dạy liên quan gồm: Nguyên lý kế toán, Tin học đại cương, Thuế, Phân tích tài chính doanh nghiệp,...

1.18. Tiến sĩ Nguyễn Đức Hiễn

Tiến sĩ Nguyễn Đức Hiễn, Tiến sĩ ngành Khoa học máy tính tại Trường Đại học Khoa học Huế, Việt Nam. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Lý thuyết thuật toán, Lý thuyết tập mờ, Mô hình hóa mờ, Mô hình dự báo. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, hầu hết các nghiên cứu của Tiến sĩ Nguyễn Đức Hiễn tập trung vào lĩnh vực liên quan đến Mô hình hóa. Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và quản lý tại trường Đại học Duy Tân, Khoa Công nghệ thông tin- Đại học Đà Nẵng và Khoa Khoa học máy tính trường Đại học CNTT&TT Việt Hàn.

1.19. Tiến sĩ Đặng Đại Thọ

Tiến sĩ Đặng Đại Thọ tốt hoàn thành luận án ngành Khoa học máy tính tại Đại học Yeungnam - Hàn Quốc kết hợp với Đại học Công nghệ Wrocław - Ba Lan. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Collective Intelligence (Artificial Intelligence), Knowledge Integration, Evolutionary Computation. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu của mình, hầu hết các nghiên cứu của Tiến sĩ Đặng Đại Thọ tập trung vào lĩnh vực liên quan đến ứng dụng trí tuệ nhân tạo. Với kinh nghiệm hơn 15 năm giảng dạy trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, truyền thông số, trí tuệ nhân tạo.

1.20. Tiến sĩ Lê Thị Thu Nga

Tiến sĩ Lê Thị Thu Nga tốt hoàn thành luận án ngành Khoa học máy tính tại Đại học Bách khoa Đà Nẵng. Lĩnh vực nghiên cứu chính là Computer Graphics, Geometric Modeling, Machine Learning, Computer Vision. Với kiến thức chuyên môn và lĩnh vực nghiên cứu được đào tạo, hầu hết các nghiên cứu của Tiến sĩ Lê Thị Thu Nga tập trung vào lĩnh vực liên quan đến Đồ họa máy tính. Với kinh nghiệm hơn 15 năm giảng dạy trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, truyền thông số, đồ họa máy tính.

Bảng 1. Tóm tắt mô tả danh sách giảng viên cơ hữu Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
1.	Nguyễn Thành Đạt	049088006033	PGS; 2023	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định thời hạn	4816024366	10	2	1	Tài chính doanh nghiệp Tài chính doanh nghiệp nâng cao Nhập môn Công nghệ tài chính	Chủ trì mở ngành
2.	Lê Hà Như Thảo	048188003444	Tiến sĩ	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023	Kế toán	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định	4810023184	15	2	4	Kế toán tài chính Đầu tư tài chính	Thành viên

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
							thời hạn						
3.	Nguyễn Thị Kim Ngọc	048179002316	Tiến sĩ	Tiến sĩ, Việt Nam, 2023,	Kế toán	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định thời hạn	0402004129	19	1	3	Nguyên lý kế toán Thanh toán quốc tế Quản trị rủi ro tài chính	Thành viên
4.	Nguyễn Thị Thu Đến	049185011109	Tiến sĩ	Tiến sĩ, Nhật Bản, 2017	Quản trị kinh doanh	Tuyển dụng	Hợp đồng xác định	4809008114	10	1	3	Quản lý danh mục đầu tư tài chính Qui định trong Fintech	Thành viên

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
							thời hạn					và Thị trường tài chính số Quốc tế	
5.	Lê Thị Minh Đức	048183003596	Tiến sĩ	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2017	Quản trị kinh doanh (CN HTTTQL)	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định thời hạn	4808002902	17	1	5	Kinh tế vĩ mô Kinh tế vi mô	Thành viên
6.	Nguyễn Thị Thanh Huyền	038189034909	Tiến sĩ	Tiến sĩ, Liên bang	Kinh tế học	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác	4811044850	14	2	3	Ngân hàng Số Tài chính xanh và Công	Thành viên

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
				Nga, 2023			định thời hạn					nghệ bền vững	
7.	Nguyễn Quang Vũ	046075008084	Tiến sĩ	Tiến sĩ, Cộng hòa Ba Lan, 2016	Khoa học máy tính	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định thời hạn	0401002412	12	3	4	Lập trình Python Phân tích và trực quan hoá dữ liệu	Thành viên
8.	Trần Văn Đại	048079003186	Tiến sĩ	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2020	Kỹ thuật và Khoa học máy tính	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác	0404002270	14	1	2	Ứng dụng AI trong giao dịch tài chính định lượng	Thành viên

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
							định thời hạn					Dự báo với AI	
9.	Hồ Văn Phi	045080003471	Tiến sĩ	Tiến sĩ, Hàn Quốc, 2017	Công nghệ thông tin	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định thời hạn	0406014610	18	1	5	Phân tích chuỗi thời gian và dự đoán tài chính Lập trình Python nâng cao	Thành viên
10.	Phan Văn Thành	044087001463	Tiến sĩ	Tiến sĩ, Đài	Kinh tế - Quản lý	Tuyển dụng	Hợp đồng xác	4416000022	2	1	3	Toán ứng dụng trong Tài chính	Thành viên

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
				Loan, 2016			định thời hạn					Thống kê kinh doanh	
11.	Lương Thuỷ Tiên	051198009409	Thạc sĩ	Thạc sĩ, Pháp, 2023	Ngân hàng, tài chính và công nghệ tài chính	Tuyển dụng	Hợp đồng xác định thời hạn	5120010576	1	0	1	Công nghệ Blockchain và Tiền mã hóa Quản trị dự án công nghệ	Thành viên
12.	Nguyễn Thị Khánh My	048190003003	Thạc sĩ	Thạc sĩ, Đài Loan, 2017	Quản trị kinh doanh	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định	4814008516	11	0	1	Tài chính Quốc tế Thị trường Tài chính	Thành viên

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
							thời hạn						
13.	Trần Thị Mỹ Châu	048179004293	Thạc sĩ	Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Kế toán	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định thời hạn	0403003190	19			Nguyên lý Kế toán Nhập môn ngành & kỹ năng mềm	Thành viên
14.	Nguyễn Linh Giang	048184008986	Thạc sĩ	Thạc sĩ, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh (chuyên	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định	4808004746	19			Nguyên lý Kế toán Nhập môn ngành & kỹ năng mềm	Thành viên

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
					ngành kế toán)		thời hạn					Đạo đức trong kinh doanh	
15.	Vũ Thị Tuyết Mai	049188007924	Thạc sĩ	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kế toán	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định thời hạn	4813008493	13			Mô hình tài chính Phân tích báo cáo tài chính	Thành viên
16.	Trương Hoàng Tú Nhi	049189001739	Thạc sĩ	Thạc sĩ, Đài Loan, 2017	Kế toán	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác	4812041363	13			Đổi mới sáng tạo trong tài chính	Thành viên

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
							định thời hạn					Quản trị tài chính cá nhân	
17.	Nguyễn Thu Ngân	049189017036	Thạc sĩ	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Kế toán	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định thời hạn	4813008496	13			Công nghệ bảo hiểm Ngân hàng Số	Thành viên
18.	Nguyễn Đức Hiền	202257564 Việt nam	Tiến sĩ	TS, Việt Nam, 2019	Khoa học máy tính	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác	0400005558	18	0	9	Tích hợp IoT trong quản lý tài chính	Thành viên

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
							định thời hạn						
19.	Đặng Đại Thọ	194076788 Việt nam	Tiến sĩ	TS, 2021 Hàn Quốc	Khoa học máy tính	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định thời hạn	402003175	14	0	1	Tích hợp IoT trong quản lý tài chính Phân tích chuỗi thời gian và dự đoán tài chính Dự báo với AI	Thành viên

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố		Học phần giảng dạy	Vai trò
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở		
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9	-10	11	12	-13	
20.	Lê Thị Thu Nga	215340105 Việt nam	Tiến sĩ	TS, 2019 Việt Nam	Khoa học máy tính	Tuyển dụng	Hợp đồng không xác định thời hạn	499006546	15	0	3	<p>Ứng dụng AI trong phát triển mô hình Kinh doanh Fintech</p> <p>Phân tích Dữ liệu lớn trong tài chính</p> <p>An toàn và bảo mật thông tin trong tài chính</p>	Thành viên

2. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

2.1. Cơ sở vật chất – hệ thống phục vụ công tác đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)

Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn tọa lạc trên khu đất rộng 21.5 héc ta trong khuôn viên Đô thị Đại học Đà Nẵng, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng. Với kiến trúc xây dựng hiện đại và đồng bộ được đầu tư hơn 1.000 tỷ đồng từ Chính phủ Việt Nam và 16,2 triệu USD từ nguồn tài trợ ODA không hoàn lại của Chính phủ Hàn Quốc.

Diện tích sử dụng cho các hạng mục như sau (tính bằng m²):

- Nơi làm việc: 2.714,2
- Nơi học: 6.956
- Nơi vui chơi giải trí: 12.433

Diện tích phòng học (tính bằng m²):

- Tổng diện tích phòng học: 6.956
- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3,14m²/ người học

Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dành cho hệ thống văn phòng: 189 máy tính
- Dành cho người học học tập: 764 máy tính
- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,38 máy tính/người học chính quy.

Cơ sở vật chất khang trang, gồm: 60 phòng học lý thuyết, diện tích 3.676 m² được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy; 39 phòng thực hành, thí nghiệm, diện tích 3.280 m² với 1.877 máy tính và các thiết bị thực hành chuyên dụng khác, như: hệ thống Điện toán đám mây, thực tại ảo, truyền thông đa phương tiện, thiết kế đồ họa, thiết kế vi mạch, lập trình thiết bị di động, hệ thống nhúng,... 45 phòng làm việc, diện tích 15.000 m² được trang bị hệ thống phần mềm điều hành tác nghiệp trong xử lý công văn, quản lý nhân sự, đào tạo và các nghiệp vụ khác; hệ thống thông tin nội bộ được điều khiển bởi tổng đài 200 số kết hợp với đường truyền cáp quang tốc độ cao kết nối Internet đảm bảo thông tin liên lạc 24/7; thư viện với diện tích 2.750 m² có sức chứa hơn 1.500 sinh viên với hơn 55.000 đầu sách; tòa nhà Trung tâm sinh viên có diện tích 19.340 m² hợp với Khu thể thao ngoài trời được đầu tư trang thiết bị phục vụ vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho sinh viên; Ký túc xá với 4 tòa nhà được thiết kế gồm 500 phòng, diện tích 34.056 m² đáp ứng chỗ ở gần 4000 sinh viên.

Sinh viên Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) được cung cấp đầy đủ về cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ cho việc học tập.

- Phòng học: Tổng diện tích phòng học là 6.956 m². Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 3,14m²/ người học. Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,38 máy tính/người học chính quy. Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt - Hàn với quy mô phòng học gồm 60 phòng học lý thuyết, diện tích 3.676 m² được trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy; 39 phòng thực hành, thí nghiệm, diện tích 3.280 m² với 1.877 máy tính được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, bảng, máy chiếu,

internet. Các phòng học lý thuyết được thiết kế để có thể sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau. Ví dụ, đối với các phương pháp học tập tích cực như thảo luận nhóm sinh viên có thể thực hiện các hoạt động thảo luận trong các lớp học nhỏ được trang bị bàn ghế có thể di chuyển được. Các phòng thực hành được bố trí riêng biệt theo từng ngành, chuyên ngành do đặc thù riêng. Cụ thể Ngành Công nghệ tài chính (Fintech), có hơn 200 máy tính trong 5 phòng thực hành đủ phục vụ trung bình 40 sinh viên/ ca thực hành. Các máy tính tại phòng thực hành luôn được cài đặt tích hợp sẵn các phần mềm xử lý dữ liệu, quản trị quan hệ khách hàng, thiết kế, chỉnh sửa âm thanh hình ảnh chuyên nghiệp hỗ trợ công tác thiết kế hình ảnh, chỉnh sửa âm thanh, hỗ trợ công tác thiết kế sản phẩm mới, thiết kế ấn phẩm truyền thông. Sinh viên Marketing có thể linh hoạt tham dự các lớp học bất kỳ trong một ngày. Danh sách các phần mềm được trình bày chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 2. Danh sách các phần mềm hỗ trợ các học phần Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)

STT	Tên phần mềm	Mô tả	Hỗ trợ học phần có liên quan
1.	Tableau	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu tài chính	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu
2.	Power BI	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu tài chính	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu
3.	RStudio	Phân tích dữ liệu lớn, xây dựng mô hình học máy cho Fintech	Ứng dụng công nghệ học máy vào lĩnh vực tài chính
4.	Python	Phân tích dữ liệu lớn, xây dựng mô hình học máy cho Fintech	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu
5.	MATLAB	phân tích tài chính định lượng và xây dựng thuật toán giao dịch	Công nghệ Blockchain và Tiền mã hóa
6.	MetaTrader (MT4, MT5)	Mô phỏng giao dịch ngoại hối và chứng khoán	Mô hình tài chính
7.	Thinkorswim	Nền tảng giao dịch chứng khoán thực hành với dữ liệu thị trường thời gian thực	Thị trường tài chính
8.	Bloomberg Terminal	Phần mềm chuyên sâu cho nghiên cứu, phân tích tài chính, và quản lý danh mục đầu tư	Ứng dụng AI trong phát triển mô hình Kinh doanh Fintech
9.	CryptoSim	Ứng dụng mô phỏng giao dịch tiền mã hóa	Công nghệ Blockchain và Tiền mã hóa
10.	Firebase,	Nền tảng đám mây hỗ trợ phát triển và triển khai ứng dụng Fintech	Lập trình Python
11.	AWS	Nền tảng đám mây hỗ trợ phát triển và triển khai ứng dụng Fintech	Lập trình Python nâng cao

STT	Tên phần mềm	Mô tả	Hỗ trợ học phần có liên quan
12.	Microsoft Azure	Nền tảng đám mây hỗ trợ phát triển và triển khai ứng dụng Fintech	Lập trình Python
13.	Figma	Thiết kế giao diện người dùng cho các ứng dụng Fintech	Lập trình Python nâng cao
14.	Sketch	Thiết kế giao diện người dùng cho các ứng dụng Fintech	Lập trình Python Lập trình Python nâng cao
15.	Postman	Quản lý mã nguồn và hợp tác phát triển phần mềm	Lập trình Python
16.	GitHub, GitLab	Quản lý mã nguồn và hợp tác phát triển phần mềm	Lập trình Python nâng cao
17.	Hyperledger Composer	Xây dựng và triển khai ứng dụng blockchain	Công nghệ Blockchain và Tiền mã hóa
18.	Ethereum IDE (Remix)	Môi trường phát triển hợp đồng thông minh trên Ethereum	Tích hợp IoT trong quản lý tài chính

Ngoài các phần mềm trên, sinh viên Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) được trang bị những công cụ hỗ trợ trực tuyến miễn phí tốt nhất thông qua các phần mềm như: Moodle, Coursera, edX, Udemy, Kahoot, Quizizz... Đối với các phần mềm có bản quyền Khoa sẽ tiến hành mua và phân quyền cho sinh viên Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) để có thể được sử dụng các tính năng ưu việt nhất để hỗ trợ các học phần chuyên ngành. Máy tính tại các phòng thực hành này không chỉ được sử dụng cho việc học tập của học sinh mà còn được sử dụng để tổ chức các cuộc thi trực tuyến và thi chứng chỉ công nghệ thông tin. Các phòng thực hành thường xuyên được Trung tâm CNTT theo dõi, bảo trì và nâng cấp để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học.

- Hội trường khu K: được thiết kế theo phong cách chuyên nghiệp có khả năng chứa 500 người. Đây là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động như hội họp, hội thảo, hoặc tổ chức các sự kiện liên quan tới các hoạt động sân chơi cho sinh viên nói chung và Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) nói riêng giúp sinh viên có thể học hỏi thêm về những kiến thức chuyên môn, tiếp cận và học hỏi những kiến thức thực tiễn qua chia sẻ bổ ích của các doanh nghiệp..

- Thư viện: diện tích 2.750 m² có sức chứa hơn 1.500 sinh viên với hơn 55.000 đầu sách. Trong đó có hơn 500 đầu sách phục vụ cho chương trình giáo dục đại cương. Ngoài ra hơn 500 đầu sách phục vụ cho chuyên Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) và cập nhật thường xuyên những giáo trình mới nhất đáp ứng yêu cầu dạy và học của giảng viên và sinh viên Ngành Công nghệ tài chính (Fintech). Bên cạnh đó, tại Trung tâm học liệu và Truyền thông còn có phòng tự học giúp viên có thể học nhóm và trao đổi kiến thức sau những giờ lên lớp.

- Tòa nhà Trung tâm sinh viên có diện tích 19.340 m² hợp với Khu thể thao ngoài trời được đầu tư trang thiết bị phục vụ vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho sinh viên

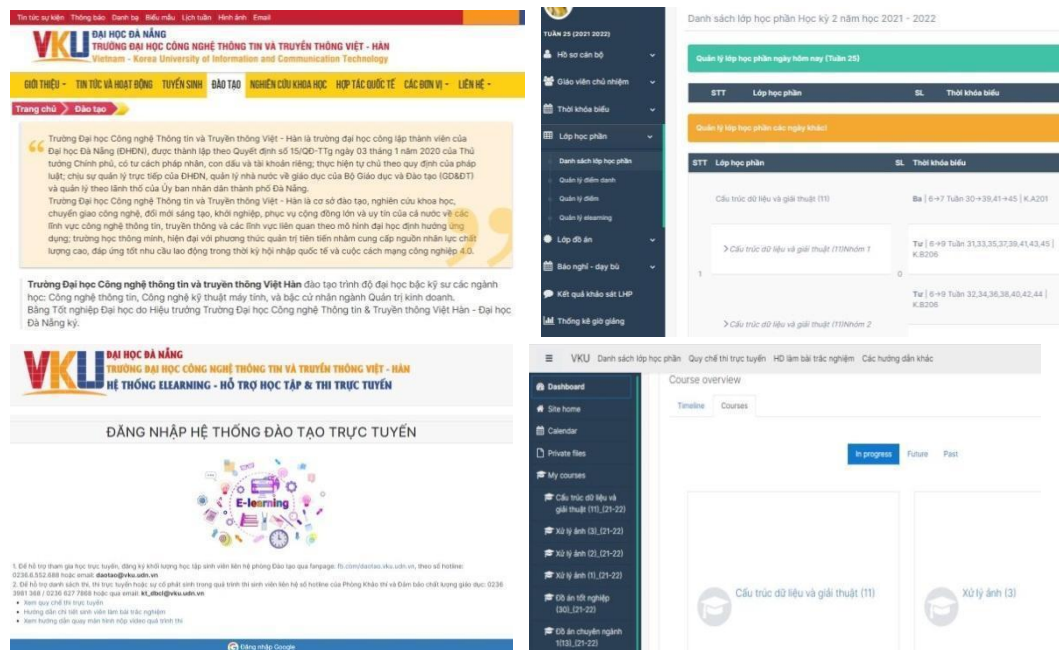
- Ký túc xá với 4 tòa nhà được thiết kế gồm 500 phòng, diện tích 34.056 m² đáp ứng chỗ ở gần 4000 sinh viên. Hệ thống PCCC, báo cháy tự động và hệ thống cầu thang liên kết có chức năng thoát hiểm. Hệ thống camera an ninh quan sát các khu vực hành lang, cầu thang ở các tầng lầu, có hệ thống loa phát thanh, bảng tin, thông tin cung cấp hàng ngày, hàng quý cho sinh viên, có hệ thống internet cho mỗi phòng ở, một số lầu phòng nâng cấp được trang bị cơ sở vật chất đầy đủ như bếp ăn...

Với hệ thống cơ sở vật chất như hiện tại, Nhà trường đảm bảo đủ cho việc tổ chức và quản lý đào tạo chương trình Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) trong vòng từ 5 năm đến 10 năm tới. Bên cạnh đó, hiện nay nhà trường đang có dự án ODA từ chính phủ Hàn Quốc với 7.7 triệu USD nhằm tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho nhà trường và khoa. Theo dự kiến, Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử sẽ được trang bị một khu Co-working Space, Khu Innovation hub và 1 khu vực Multimedia để phục vụ cho việc thực hành các học phần thuộc khối Ngành Công nghệ tài chính (Fintech), Quản trị Kinh doanh.

Bên cạnh đó, để hỗ trợ trong việc quản lý, giảng dạy và học tập Ngành Công nghệ tài chính (Fintech), Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt – Hàn đã phát triển hệ thống website hoàn thiện, ổn định và chuyên nghiệp, đáp ứng cả nhu cầu dạy, học, đăng ký tín chỉ, thi... không chỉ khi học trực tiếp mà ngay cả học trực tuyến. Hệ thống website Nhà trường đã hỗ trợ đắc lực, đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học xuyên suốt, đảm bảo tiến độ đào tạo của Nhà trường mặc dù dịch Covid19 kéo dài gần 2 năm qua.

Các website hỗ trợ quản lý, giảng dạy và học tập:

- <https://vku.udn.vn/>
- <https://daotao.vku.udn.vn>
- <https://elearning.vku.udn.vn>



Hình 1. Các website hỗ trợ quản lý, giảng dạy và học tập

Thư viện số - Trường Đại học Công nghệ, Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn



THÔNG BÁO

- Bạn đọc là Cán bộ viên chức, Giảng viên và Sinh viên VKU chưa từng đăng ký vào Thư viện Tài nguyên số, vui lòng nhập địa chỉ email trong hộp thoại ở trên và nhấn "Đăng ký"
- Bạn đọc ngoài trường có nhu cầu truy cập, tra cứu Thư viện Tài nguyên số, vui lòng liên hệ qua email: lib@vku.udn.vn hoặc liên hệ điện thoại: **0236.3962377** để được hỗ trợ.

Communities in DSpace

Choose a community to browse its collections.



Discover

Author

VKU	19
Huỳnh, Công Pháp	17
Nguyễn, Linh Giang	15
Nguyễn, Thị Thanh Huyền	14
Nguyễn, Đức Hiển	14
Huỳnh, Thị Kim Hà	13

Subject

website	71
quảng cáo	48
Thiết kế đồ họa quảng cáo	48
bộ nhận diện sản phẩm văn phòng	39
logo	39

Date issued

2020 - 2023	1185
2010 - 2019	1068
2001 - 2009	19

Has File(s)

true	2272
------	------

Hình 2. Thư viện tài nguyên số VKU

2.2. Hệ thống phòng học, giảng đường, phòng thực hành phục vụ đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)

Bảng 3. Phòng học, giảng đường và trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy			
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m ²)
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	Máy chiếu; bộ âm ly - loa - micro	1 bộ	Giáo dục quốc phòng	655
2	Phòng học từ 100 chỗ đến 200 chỗ	8	Máy chiếu; Switch; Access Point	1 bộ	Các học phần chính trị	1.337
3	Phòng học từ 50 chỗ đến 100 chỗ	50	Máy chiếu; Switch; Access Point	1 bộ	Các học phần lý thuyết	4.106
4	Phòng học dưới 50 chỗ	6		1 bộ	Các học phần lý thuyết	356
5	Phòng LAB ngoại ngữ	2	25 máy tính + tai nghe; bàn tương tác	2 bộ	Tiếng anh 1, 2, 3; Tiếng anh nâng cao 1,2,3,4	190

Bảng 4. Phòng thực hành phục vụ đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học / học phần
1	Phòng máy tính	2.382	Máy tính các loại; máy chiếu; switch	29 phòng (gồm 7 phòng 10 máy; 21 phòng 40 máy; 1 phòng iMac)	Phân tích và trực quan hóa dữ liệu Ứng dụng công nghệ học máy vào lĩnh vực tài chính Phân tích và trực quan hóa dữ liệu Công nghệ Blockchain và Tiền mã hóa Mô hình tài chính
2	Phòng thực hành Fintech	80	Desktop PC Dell OPTIPLEX 3020 Switch Cisco SG300-52 Projector BenQ MX505 Fiber optic communication OPTOSCI: ED-COM Optical network analysis OPTOSCI: ED-NET Dual wavelength OTDR Wilcom: FR4-1315 Laboratory based package in WDM & DWDM /ED-WDM OPTOSCI: ED-WDM Oscilloscope 50Mhz Agilent: DSO1052B Wireless communication test set Included Softwares: 1. Microsoft Office 2. SPSS 25.0 3. AMOS 4. Adobe Photoshop 5. Adobe Audition 6. CRMViet	B101/D2.2 03	Lập trình Python Lập trình Python nâng cao Công nghệ Blockchain và Tiền mã hóa Tích hợp IoT trong quản lý tài chính

2.3. Mức độ đáp ứng quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo trực tuyến của Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)

Bảng 5. Mức độ đáp ứng quy định ứng dụng công nghệ thông tin

Nội dung	Điều kiện thực tế của Trường	Mức độ đáp ứng so với yêu cầu của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT	
1. Hệ thống phần mềm đào tạo trực tuyến (sử dụng riêng hoặc kết hợp sử dụng giữa các phần mềm sau đây)			
1.1. Phần mềm tổ chức đào tạo trực tuyến đồng bộ có chức năng tối thiểu:	a) Giúp người dạy tổ chức các hoạt động đào tạo trực tuyến đồng bộ; hướng dẫn, giao nhiệm vụ học tập đồng thời cho tất cả người học tham dự trong cùng một không gian học tập thông qua kênh hình, kênh tiếng, kênh chữ, chuyển tải học liệu đào tạo đến người học.	Hệ thống e-Learning, hệ thống LMS	Đáp ứng
	b) Giúp người học tham gia các hoạt động đào tạo trực tuyến; tương tác, trao đổi thông tin theo thời gian thực với người dạy và những người học khác trong cùng một không gian học tập.	Elearning.vku.udn.vn	Đáp ứng
1.2. Phần mềm tổ chức đào tạo trực tuyến không đồng bộ có chức năng tối thiểu:	a) Giúp người dạy lên kế hoạch đào tạo trực tuyến không đồng bộ, chuyển tải học liệu tới người học, giao nhiệm vụ học tập và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học; theo dõi và hỗ trợ người học khai thác nội dung học tập; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của người học.	Elearning.vku.udn.vn	Đáp ứng
	b) Cho phép người học truy cập, khai thác nội dung học tập; thực hiện các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của	Elearning.vku.udn.vn	Đáp ứng

Nội dung		Điều kiện thực tế của Trường	Mức độ đáp ứng so với yêu cầu của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT
	người dạy; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đối với người dạy và các người học khác trong cùng không gian học tập.		
	c) Cho phép cơ sở đào tạo quản lý hồ sơ, tiến trình học tập, kết quả học tập của người học và các hoạt động dạy của người dạy; ghi nhận một cách trung thực, chính xác quá trình học tập của từng người học; hỗ trợ quản lý các thông tin khác theo yêu cầu cơ sở đào tạo và cơ quan quản lý giáo dục.	Daotao.vku.udn.vn	Đáp ứng
1.3. Phần mềm quản lý nội dung học tập trực tuyến bao gồm các chức năng như phần mềm tổ chức đào tạo trực tuyến không đồng bộ (mục 1.2) và chức năng cho phép người dạy thiết kế nội dung học tập, học liệu đào tạo trực tuyến.		Elearning.vku.udn.vn	Đáp ứng
1.4. Phần mềm đào tạo trực tuyến mở đại chúng (MOOC) bao gồm các chức năng như hệ thống phần mềm tổ chức đào tạo trực tuyến không đồng bộ (mục 1.2) và chức năng cung cấp đa dạng về nội dung và hình thức tổ chức khóa học trực tuyến; được áp dụng đào tạo trực tuyến trên quy mô lớn về người học, người dạy, cơ sở đào tạo.		Hệ thống e-Learning, hệ thống LMS	Đáp ứng
2. Học liệu đào tạo trực tuyến			
2.1. Nội dung của học liệu đào tạo trực tuyến phải đáp ứng các yêu cầu của chương trình đào tạo, có tính sư phạm, dễ dùng, đáp ứng được nhu cầu tự học của người học.		Elib.vku.udn.vn	Đáp ứng

Nội dung	Điều kiện thực tế của Trường	Mức độ đáp ứng so với yêu cầu của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT
2.2. Có giải pháp đánh giá, kiểm soát để thường xuyên cập nhật nâng cao chất lượng của học liệu.	Hàng kỳ trường tổ chức thành lập hội đồng rà soát đánh giá cập nhật ĐCCT, Tài liệu học tập, tài liệu giảng dạy	Đáp ứng
2.3. Học liệu đào tạo trực tuyến phải được tổ chức thẩm định trước khi đưa vào sử dụng. Trường có thể tự xây dựng hoặc hợp tác với các cơ sở đào tạo trong phát triển, chia sẻ sử dụng học liệu và các khoá học trực tuyến.	Hàng kỳ trường tổ chức thành lập hội đồng rà soát đánh giá cập nhật ĐCCT, Tài liệu học tập, tài liệu giảng dạy	Đáp ứng
3. Nhân lực triển khai đào tạo trực tuyến gồm: người dạy, đội ngũ quản trị, vận hành hệ thống, đội ngũ thiết kế và sản xuất học liệu, đội ngũ cố vấn và giáo vụ.		
3.1. Người dạy có kỹ năng đào tạo trực tuyến như: quản lý, định hướng, hướng dẫn và giải đáp người học qua phương thức đào tạo trực tuyến; sử dụng thành thạo hệ thống quản lý học tập trực tuyến và các phương tiện công nghệ thông tin phục vụ đào tạo trực tuyến.	https://vku.udn.vn/doi-ngu-giang-vien Tất cả giảng viên trong nhà trường đều sử dụng thành thạo hệ thống quản lý học tập trực tuyến và hệ thống Elearning.vku.udn.vn của nhà trường. Quyết định về việc ban hành Quy định sử	Đáp ứng

Nội dung	Điều kiện thực tế của Trường	Mức độ đáp ứng so với yêu cầu của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT
	dụng hệ thống thông tin trong công tác giảng dạy tại Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn 751/QĐ-ĐHVH 07/10/2021	
3.2. Đội ngũ quản trị, vận hành hệ thống đào tạo trực tuyến am hiểu các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin liên quan đến đào tạo trực tuyến của Trường; được hướng dẫn, chuyển giao công nghệ để quản trị, vận hành hệ thống công nghệ thông tin đảm bảo hoạt động ổn định, an toàn.	<p>Có đội ngũ quản trị, vận hành hệ thống đào tạo trực tuyến am hiểu các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin liên quan đến đào tạo trực tuyến.</p> <p>Quyết định về việc ban hành Quy định sử dụng hệ thống thông tin trong công tác giảng dạy tại Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn 751/QĐ-ĐHVH 07/10/2021</p>	Đáp ứng

Nội dung	Điều kiện thực tế của Trường	Mức độ đáp ứng so với yêu cầu của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT
3.3. Đội ngũ thiết kế và sản xuất học liệu phải am hiểu quy trình thiết kế, quy trình sản xuất học liệu; sử dụng thành thạo các công cụ để tổ chức thiết kế, xây dựng học liệu phục vụ đào tạo trực tuyến.	Có đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu. Trường có văn bản hướng dẫn sử dụng cụ thể được công khai trên hệ thống Elearning.vku.udn.vn của từng giảng viên	Đáp ứng
3.4. Đội ngũ làm cố vấn và giáo vụ học tập phải am hiểu các hoạt động của đào tạo trực tuyến, thực hiện hướng dẫn người học biết cách tham gia và sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trước khi tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến, theo dõi quản lý quá trình học tập của người học.	Có QĐ có vấn học tập, giáo vụ cho những GV có kinh nghiệm theo đề xuất của khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan	Đáp ứng
4. Hạ tầng và an toàn thông tin đối với hệ thống đào tạo trực tuyến		
4.1. Hạ tầng của hệ thống đào tạo trực tuyến đáp ứng các nhu cầu về quản lý, khai thác sử dụng cho các hoạt động đào tạo trực tuyến; bảo đảm đủ băng thông, đủ năng lực máy chủ; đáp ứng các điều kiện về an toàn thông tin theo quy định.	Chi tiết trong bảng xác nhận điều kiện thực tế	Đáp ứng
4.2. Trường triển khai giải pháp bảo đảm các quy định về an toàn thông tin mạng, sở hữu dữ liệu; khai thác, sử dụng dữ liệu và bảo vệ thông tin cá nhân trong đào tạo trực tuyến.	Có công khai trên hệ thống Elearning.vku.udn.vn của từng giảng viên	Đáp ứng

Nội dung	Điều kiện thực tế của Trường	Mức độ đáp ứng so với yêu cầu của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT
5. Người học, người dạy phải được đảm bảo về thiết bị học trực tuyến, kết nối Internet để tham gia các hoạt động đào tạo trực tuyến.	Thiết bị chi tiết trong bảng xác nhận điều kiện thực tế, Hiện nay hệ thống mạng phủ sóng tất cả các giảng đường.	Đáp ứng
6. Trường chịu trách nhiệm về chất lượng và thực hiện các giải pháp bảo đảm chất lượng đào tạo trực tuyến:		
6.1. Có quy định để bảo đảm chất lượng đào tạo trực tuyến theo yêu cầu của chương trình đào tạo và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Hướng dẫn số 920/HD-ĐHVH ngày 05/7/2021 (Hướng dẫn về công tác thi và coi thi trực tuyến)	Đáp ứng
6.2. Nội dung khóa học được thiết kế và cập nhật thường xuyên để bảo đảm bảo phù hợp với nhu cầu của người học.	Hằng năm trường có kế hoạch rà soát cập nhật CTĐT phù hợp.	Đáp ứng
6.3. Có giải pháp hỗ trợ và trả lời yêu cầu của người học, người dạy; có cơ chế tiếp nhận và giải đáp ý kiến từ người học, người dạy và các tổ chức, cá nhân có liên quan để đo lường sự hài lòng của người sử dụng.	Quyết định số 1561/QĐ-ĐHVH ngày 05/12/2022 (Quyết định ban hành hệ thống các quy trình khảo sát các bên liên quan về	Đáp ứng

Nội dung	Điều kiện thực tế của Trường	Mức độ đáp ứng so với yêu cầu của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT
	chất lượng đào tạo của VKU)	
7. Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng và ban hành quy chế tổ chức đào tạo trực tuyến nhằm tổ chức, quản lý đào tạo trực tuyến có chất lượng và hiệu quả, trong đó có các quy định về:		
7.1. Nội dung đào tạo trực tuyến; phương thức tổ chức dạy, học, thi, kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo.	Theo QĐ số 886/QĐ-ĐHĐN ngày 09/3/2023 920/HD-ĐHVH ngày 05/7/2021 (Hướng dẫn về công tác thi và coi thi trực tuyến) Hướng dẫn số 925/HD-ĐHVH ngày 07/7/2021 (Hướng dẫn đánh giá đề án, khóa luận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến của VKU)	Đáp ứng
7.2. Quản lý, vận hành, khai thác sử dụng các hệ thống công nghệ thông tin trong đào tạo trực tuyến.	Quyết định về việc ban hành Quy định sử dụng hệ thống thông tin trong công tác giảng dạy tại Trường Đại học Công nghệ thông	Đáp ứng

Nội dung	Điều kiện thực tế của Trường	Mức độ đáp ứng so với yêu cầu của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT
	tin và Truyền thông Việt - Hàn 751/QĐ-ĐHVH 07/10/2021	
7.3. Năng lực chuyên môn, kỹ năng giảng dạy và kỹ năng công nghệ thông tin cho đội ngũ nhân lực triển khai đào tạo trực tuyến.	<p>Có đội ngũ quản trị, vận hành hệ thống đào tạo trực tuyến am hiểu các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin liên quan đến đào tạo trực tuyến.</p> <p>Quyết định về việc ban hành Quy định sử dụng hệ thống thông tin trong công tác giảng dạy tại Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn 751/QĐ-ĐHVH 07/10/2021</p>	Đáp ứng
7.4. Sở hữu trí tuệ của học liệu, sở hữu dữ liệu, bảo vệ dữ liệu và thông tin cá nhân, xác thực danh tính, mã hóa dữ liệu và quản lý quyền truy cập.	Elearning.vku.udn.vn Daotaovku.udn.vn	Đáp ứng
7.5. Công nhận tín chỉ trên hệ thống đào tạo trực tuyến của cơ sở đào tạo và các hệ thống đào tạo trực tuyến khác.	Daotaovku.udn.vn	Đáp ứng

Nội dung	Điều kiện thực tế của Trường	Mức độ đáp ứng so với yêu cầu của Thông tư 30/2023/TT-BGDĐT
7.6. Tiếp nhận, phản hồi ý kiến của người học, người dạy và đánh giá sự hài lòng của người dùng trong quá trình đào tạo trực tuyến.	Quyết định số 1561/QĐ-ĐHVH ngày 05/12/2022 (Quyết định ban hành hệ thống các quy trình khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo của VKU)	Đáp ứng
7.7. Quy trình lưu trữ hồ sơ, giám sát, kiểm tra đảm bảo chất lượng đào tạo trực tuyến; quy trình cải thiện nâng cao chất lượng đào tạo trực tuyến.	Đã xây dựng quy trình cụ thể	Đáp ứng
7.8. Các quy định có liên quan khác.	Hướng dẫn số 925/HD-ĐHVH ngày 07/7/2021 (Hướng dẫn đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo hình thức trực tuyến của VKU)	Đáp ứng

2.4. Mức độ sẵn sàng chuyển sang dạy học trực tuyến bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)

Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền Thông Việt Hàn được đầu tư đồng bộ từ chính phủ Hàn Quốc với hạ tầng CNTT hiện đại với hệ thống mạng nội bộ đảm bảo kết nối nội bộ tốc độ cao, hệ thống wifi bao phủ toàn bộ các khu vực làm việc và học tập trong nhà trường.

Hệ thống mạng nội bộ được xem là hạ tầng nền tảng đáp ứng các hoạt động trong nhà trường, hướng tới có thể phục vụ và cung cấp các dịch vụ E-learning và phát triển hệ sinh thái đại học thông minh (Smart campus và Smart University) cũng như phục vụ hoạt động giảng dạy trực tuyến cho các đối tượng sinh viên, học viên đáp ứng yêu cầu theo thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Nhà trường đang sử dụng các công nghệ thông tin phục vụ quản lý như website, quản lý thông tin đào tạo và thông tin sinh viên.

Hiện tại, nhà trường đã thực hiện tốt hoạt động giảng dạy trực tuyến thông qua sự hỗ trợ của các dịch vụ như Google meet, Microsoft team, Zoom cùng với đường truyền internet tốc độ cao được cung cấp từ nhà cung cấp dịch vụ VNPT. Đây cũng là đối tác hợp tác lâu dài của nhà trường trong hiện tại và tương lai.

Với dự án ODA 7,7 triệu USD từ Hàn Quốc đang được triển khai tại thời điểm hiện tại, các hệ thống thông tin quản lý về nhân sự, khoa học, hành chính sẽ được phát triển hoàn thiện để đảm bảo tính vận hành nhà trường và đáp ứng nhu cầu của người học trong xu thế chuyển đổi số.

2.5. Thư viện, giáo trình:

Hiện nay, thư viện tại Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Hàn được thành lập với tên gọi Trung tâm Học liệu và Truyền thông. Trung tâm đã phát triển được nguồn lực tài liệu thông tin phong phú, đa dạng, mới về nội dung, loại hình sản phẩm để phục vụ học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Trung tâm Học liệu và Truyền thông được sử dụng một tòa nhà 2 tầng có diện tích sử dụng gần 2.823 m² bao gồm: 01 phòng đọc cộng đồng, 03 phòng đọc tại chỗ, 02 kho sách, 01 phòng tra cứu, khai thác dữ liệu internet với hơn 500 chỗ ngồi.

Thư viện được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho sinh viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động gồm bàn ghế, giá sách và hệ thống trang thiết bị máy móc như máy tính, máy photocopy, điều hòa không khí đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học

Thư viện trường cung cấp đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học ngành Quản trị kinh doanh. Có thư viện điện tử kết nối Internet, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học

có hiệu quả. Tính đến tháng 05/2021, về tài liệu truyền thông, Trung tâm Học liệu và Truyền thông có khoảng 5.016 tên sách (với 24.477 cuốn), 60 luận án, luận văn, trong đó có: 10 luận văn, luận án và 183 giáo trình, sách tham khảo ngành Quản trị kinh doanh. Riêng các giáo trình, tài liệu tham khảo cho các học phần liên quan đến Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) có gần 400 đầu sách kèm luận văn. Dựa trên yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần Ngành Công nghệ tài chính (Fintech).

Ngoài ra, thư viện còn tập trung khai thác nguồn tư liệu mở từ nguồn dữ liệu được truy cập và bổ sung từ hệ thống các trường thành viên của Đại học Đà Nẵng, bao gồm Trường đại học Kinh tế Đà Nẵng, Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng, Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng, Trường Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng...

Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Aleph) hiển thị trên giao diện Primo thuộc Mạng thư viện dùng chung của Đại học Đà Nẵng.

● **Các dịch vụ, hoạt động chính của Thư viện thuộc Trung tâm Học liệu và Truyền thông Việt Hàn**

Hiện nay, thư viện đã phát triển được hệ thống nguồn lực thông tin phong phú, đa dạng, cập nhật và bổ sung tư liệu mới liên tục về nội dung, hình ảnh và hình thức phục vụ. Thư viện đã thực hiện được những dịch vụ, hoạt động và chương trình hữu ích hỗ trợ tích cực cho mọi hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cho mọi đối tượng trong và ngoài nhà trường, bao gồm

● **Dịch vụ đọc, mượn tư liệu**

Hiện nay, thư viện tổ chức hình thức cho các đối tượng đọc, mượn dưới 3 hình thức

- Hình thức đọc tại chỗ: Với không gian rộng rãi, đủ đáp ứng hơn 500 chỗ ngồi cùng một lần, thư viện tạo điều kiện để bạn đọc có thể tham khảo tư liệu tại chỗ với bản giấy và đọc trên máy tính tại thư viện.

- Hình thức mượn về nhà đọc: Với phương thức tạo thẻ thư viện, chính sách cho bạn đọc mượn tư liệu từ 2- 5 cuốn/1 lần và mượn đọc trong thời gian tối đa 30 ngày/1 lần mượn, có thể gia hạn nếu muốn nghiên cứu sâu hơn tư liệu, đồng thời không giới hạn chủ đề, loại tư liệu và địa chỉ.

- Hình thức đọc trực tuyến (online): Khi bạn đọc đăng ký tài khoản online từ địa chỉ email, có thể truy cập cơ sở dữ liệu của thư viện nhà trường để đọc tất cả những thể loại tư liệu trên hệ thống. Hiện nay, các mục được bổ sung trên hệ thống thư viện nhà trường chia thành nhiều mục để tra cứu: Tên tác giả; Hướng nghiên cứu; Thể loại; ... tạo điều kiện cho bạn đọc dễ thao tác, dễ tra cứu dữ liệu mình cần, tiết kiệm chi phí và thời gian.

● **Hoạt động hỗ trợ tham khảo thông tin**

Nhằm mục tiêu hỗ trợ bạn đọc tiết kiệm thời gian cứu tra cứu, tìm kiếm, đánh giá thông tin liên quan đến những lĩnh vực, cấp độ nghiên cứu, thư viện đã thực hiện những hoạt động theo các hạng mục hỗ trợ từ cơ bản đến nâng cao.

- Lập danh mục thông tin tham khảo theo chủ đề, theo lĩnh vực, theo loại hình tư liệu và theo tác giả.

- Tư vấn thông tin và hỗ trợ tìm kiếm, đánh giá thông tin
- Xây dựng sản phẩm theo nhu cầu.

Hiện nay, các hoạt động hỗ trợ bạn đọc tham khảo thông tin được thực hiện từ thứ 2 – chủ nhật, qua nhiều kênh thông tin như: Hỏi và đáp trực tiếp tại thư viện; Gọi điện thoại; Trao đổi qua email; Nhắn tin qua sms hoặc messenger, zalo...

● **Hoạt động tập huấn năng lực thông tin**

Tập huấn năng lực thông tin được thư viện tổ chức thường xuyên trong suốt năm học bằng cách thức tổ chức lớp huấn luyện, hướng dẫn, đào tạo kỹ năng trực tiếp tại thư viện hoặc trực tuyến qua các ứng dụng google meet, zoom. Vì vậy, đối tượng mà thư viện phục vụ là giảng viên, sinh viên, cán bộ nhân viên có nhu cầu nghiên cứu.

Nội dung các lớp tập huấn bao gồm 3 nhiệm vụ:

- Hướng dẫn sử dụng thư viện
- Phương pháp và kỹ thuật tìm kiếm và khai thác thông tin dữ liệu trong thư viện.

Thư viện có nhiệm vụ làm quản lý tài khoản, hướng dẫn giảng viên, sinh viên, cán bộ nhân viên sử dụng, tổng hợp dữ liệu, hỗ trợ và xử lý kỹ thuật trong quá trình sử dụng.

● **Hoạt động bạn đọc**

Hoạt động bạn đọc trong thư viện là hoạt động quảng bá, tuyên truyền, tổ chức sự kiện... nhằm nâng cao ý thức và phong trào đọc sách trong cộng đồng nội bộ trường VKU, đồng thời cũng tôn vinh giá trị và ý nghĩa của sách đối với nhiệm vụ học tập, nghiên cứu.

Giới thiệu sách là hoạt động thư viện chủ động gửi danh mục tư liệu được cập nhật mới trong các buổi sinh hoạt chuyên môn ở các khoa, các hội thảo chuyên đề trong và ngoài nhà trường.

Tổ chức sự kiện sách như Triển lãm sách, Trưng bày sách, Ngày hội sách, Ngày hội văn hóa đọc... được tổ chức thường xuyên trong nhà trường và tham gia các sự kiện của các tổ chức đối tác như Báo Tuổi trẻ, Sở Văn hóa Thông tin và du lịch Đà Nẵng, Nhà xuất bản sách Phương Nam... nhằm giới thiệu sách hay, sách cần đọc, sách mới đến bạn đọc.

Link tham khảo:

Trung tâm học liệu và truyền thông: <https://vku.udn.vn/trungtam/hltd>

Thư viện Tài nguyên số: <http://elib.vku.udn.vn/>

Mạng Thư viện dùng chung Đại học Đà Nẵng: <http://lib.vku.udn.vn/>

3. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

3.1. Bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử được thành lập theo quyết định số 1659/QĐ-ĐHĐN ngày 19 tháng 05 năm 2020 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng. Đội ngũ cán bộ quản lý Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử gồm: 1. TS. Lê Phước Cửu Long – Trưởng khoa; 2. TS. Nguyễn Thị Kiều Trang – Phó Trưởng khoa; 3. TS. Văn Hùng Trọng – Phó Trưởng khoa.

Bảng 6. Ban chủ nhiệm Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Quyết định bổ nhiệm
1	Lê Phước Cửu Long, 05/08/1982, Trưởng khoa,	Tiến sĩ, 2017	Marketing	QĐ số 378/QĐ-ĐHVH ngày 22/2/2024
2	Nguyễn Thị Kiều Trang, 07/06/1983, Phó trưởng khoa, khoa KTS&TMĐT	Tiến sĩ, 2016	Marketing	QĐ số 801/QĐ-ĐHVH ngày 02/11/2021
2	Văn Hùng Trọng, 22/09/1986, Phó trưởng khoa, khoa KTS&TMĐT	Tiến sĩ, 2016	HTTTQL	QĐ số 381/QĐ-ĐHVH ngày 22/02/2024

Khoa có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng triển khai thực hiện các nội dung công tác: Quản lý chuyên môn về đào tạo các học phần thuộc kiến thức cơ sở cho các ngành khối kinh tế: Quản trị kinh doanh, Marketing, Thương mại điện tử... của Nhà trường, quản lý hoạt động KHCN, xây dựng nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy và học tập; quản lý đội ngũ giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy đã được phân công. Như vậy, Khoa có đủ chức năng và chuyên môn để quản lý các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech). Cụ thể, Khoa đã thành lập Hội đồng khoa học đào tạo cấp khoa nhằm theo dõi các hoạt động liên quan – như quá trình hoạt động của Tổ soạn thảo chương trình đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech), cũng như các hoạt động khi triển khai Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) trên thực tế giảng dạy.

Bảng 7. Hội đồng khoa học đào tạo cấp khoa

STT	Họ tên	Chức vụ
01	TS. Lê Phước Cửu Long	Chủ tịch
02	TS. Nguyễn Thị Kiều Trang	Thành viên
03	TS. Văn Hùng Trọng	Thành viên
04	TS. Lê Thị Minh Đức	Thành viên
05	TS Nguyễn Thị Thu Đến	Thành viên
06	TS. Nguyễn Thanh Hoài	Thành viên
07	TS. Ngô Hải Quỳnh	Thành viên

STT	Họ tên	Chức vụ
08	TS. Võ Thị Thanh Thảo	Thành viên
09	TS. Đặng Vinh	Thành viên
10	TS. Trần Thiện Vũ	Thành viên
11	TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền	Thành viên
12	TS. Trần Lương Nguyệt	Thành viên
13	TS. Phan Văn Thành	Thành viên

3.2. Hoạt động NCKH & HTQT

Sau 5 năm thành lập, VKU đã có những thành tích nghiên cứu khoa học đáng khích lệ: công bố hơn 1.000 bài báo khoa học trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo uy tín trong nước và quốc tế bao gồm WoS và Scopus; thực hiện thành công gần 100 đề tài nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ các cấp từ các đề tài nghiên cứu cấp Bộ đến cấp Đại học Đà Nẵng và các cấp cơ sở; hợp tác triển khai có hiệu quả gần 10 dự án hợp tác quốc tế về khởi nghiệp và sáng tạo với các đối tác châu Âu, Mỹ và Hàn Quốc, như: Dự án HEI ICI, Erasmus+, ICT entre, USAID Commet, IPP, Chương trình 3+2...; tổ chức thành công nhiều hội thảo quốc gia và quốc tế như: Hội thảo quốc tế SMA 2016 về Hệ thống thông minh và các ứng dụng, Hội thảo quốc tế ACIIDS 2016 về Hệ thống thông tin và Dữ liệu thông minh, Trường hè quốc tế 2016 dành cho nghiên cứu sinh và các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, Hội thảo quốc tế ICIST 2017 với chủ đề Công nghệ và Khoa học thông tin, Hội thảo quốc gia CITA hàng năm về Công nghệ thông tin và ứng dụng các lĩnh vực,... đã tạo tiếng vang trong giới học thuật và nâng cao uy tín của Nhà trường. Đặc biệt, Hội thảo quốc tế ICCCI 2020 và Hội thảo quốc tế CITA hàng năm được VKU tổ chức là những sự kiện khoa học có ý nghĩa đánh dấu sự ra đời của một học hiệu đẳng cấp quốc tế.

4. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo

CTĐT Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, bám sát Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ban hành ngày 22/06/2021 - Quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

4.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (PO)

4.1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính được thiết kế để đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính trong bối cảnh phát triển của nền kinh tế số, hội nhập quốc tế và xu hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

4.1.2. Mục tiêu cụ thể

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng đào tạo những cử nhân ngành Fintech

PO1. Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức toàn diện và chuyên sâu về tài chính ngân hàng, công nghệ thông tin và công nghệ tài chính; Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tài chính, ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các tình huống kinh doanh cụ thể cũng như ứng dụng các công nghệ blockchain, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo...có thể đổi mới trong hoạt động tài chính trong bối cảnh nền kinh tế số.

PO2. Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực Tài chính.

PO3. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt; Có kiến thức về pháp luật trong kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế số.

4.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính (Fintech) có khả năng

PLO1. Am hiểu các kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội; kiến thức cơ sở ngành kinh tế, kinh doanh, quản trị, kế toán và vận dụng các kiến thức này trong học tập, nghiên cứu và thực hiện các hoạt động nghề nghiệp

PI1.1. Am hiểu các kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và vận dụng các kiến thức này trong hoạt động nghề nghiệp

PI1.2. Am hiểu các kiến thức cơ sở ngành kinh tế, kinh doanh, quản trị, kế toán như: kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, tài chính tiền tệ, nguyên lý kế toán, marketing căn bản và vận dụng các kiến thức này trong hoạt động nghề nghiệp;

PLO2. Am hiểu và vận dụng các kiến thức về tài chính, ngân hàng; kiến thức nền tảng cơ bản về công nghệ thông tin; và kiến thức nền tảng cơ bản về công nghệ tài chính.

PI2.1. Nắm vững và vận dụng các kiến thức về tài chính, ngân hàng như: hệ thống tài chính, nghiệp vụ ngân hàng, thanh toán quốc tế, tài chính doanh nghiệp, phân tích tài chính, đầu tư tài chính, quản trị rủi ro tài chính;

PI2.2. Nắm vững kiến thức nền tảng cơ bản về công nghệ thông tin: Cơ sở dữ liệu tài chính, Lập trình Python, Ứng dụng công nghệ học máy trong tài chính, Công nghệ blockchain và tiền số, Phân tích dữ liệu và kiến trúc hệ thống....

PI2.3. Nắm vững và vận dụng kiến thức nền tảng cơ bản về công nghệ tài chính: Mô hình tài chính, Quản lý và ứng dụng cơ sở dữ liệu trong tài chính, phân tích dữ liệu tài chính qui mô lớn, Tiền số và công nghệ Blockchain, Trí tuệ nhân tạo, đổi mới sáng tạo tài chính, Phát triển Mô hình KD Fintech và Ứng dụng Mô hình AI trong Kinh doanh, Ngân hàng Số...

PLO3. Phát triển các kỹ năng chuyên môn liên quan đến các hoạt động giao dịch kinh tế - tài chính

PI3.1. Kỹ năng ghi nhận các giao dịch kinh tế - tài chính phát sinh; Phân tích báo cáo tài chính theo yêu cầu cung cấp thông tin và tư vấn cho nhà quản lý; vận dụng các khái niệm

về hệ thống thông tin để đánh giá, giải quyết các vấn đề xuất hiện trong hệ thống thông tin tài chính;

PI3.2. Kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến hoạt động tín dụng, ngoại hối và thanh toán quốc tế; Sử dụng các công cụ tài chính để quản lý tài chính, quản lý rủi ro tài chính, quản lý các hoạt động đầu tư, kinh doanh trong các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính; phân tích và quản lý dữ liệu tài chính, sử dụng các phần mềm/ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của định chế tài chính, thị trường tài chính và doanh nghiệp.

PI3.3. Kỹ năng thu thập, phân tích tìm hiểu và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng sản phẩm phần mềm để phục vụ công tác thiết kế; Thiết kế, triển khai thực hiện và quản lý các dự án phần mềm có qui mô vừa và nhỏ, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật trong điều kiện thực tế; Phân tích và mô hình hóa quá trình và dữ liệu trong các tổ chức, khả năng xác định và cụ thể hóa các giải pháp kỹ thuật, khả năng quản trị dự án;

PLO4. Phát triển kỹ năng làm việc trong môi trường làm việc hiện đại và chịu được áp lực cao

PI4.1. Giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội;

PI4.2. Có các kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc cá nhân và công việc theo nhóm

PLO5. Phát triển khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, tài chính

PI5.1. Sử dụng được Ngoại ngữ để trình bày các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, tài chính

PI5.2. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Trường hợp sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế Toeic, yêu cầu tối thiểu 500.

PLO6. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng hiệu quả các phần mềm đồ họa ứng dụng, công cụ thống kê để phục vụ hoạt động kinh doanh.

PLO7. Phát triển các phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc; Có kiến thức về pháp luật trong kinh doanh;

PI7.1. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc;

PI7.2. Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

PI7.3. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ và kỹ thuật phức tạp về công nghệ tài chính;

4.3. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

4.3.1. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính, sinh viên có đủ năng lực để đảm nhận các vị trí công việc ở các nhóm sau:

Nhóm 1: Chuyên viên tại các bộ phận quản lý hệ thống thông tin, quản trị phân tích dữ liệu, quản trị và phân tích rủi ro, quản lý dự án công nghệ tại các định chế tài chính; bộ phận phát triển công nghệ tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính tại các tổ chức tài chính như ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán.

Nhóm 2: Chuyên viên bộ phận quản lý phát triển kinh tế số tại các cơ quan nhà nước như các Ngân hàng Nhà nước, và các sở ban ngành.

Nhóm 3: Chuyên viên bộ phận phát triển sản phẩm và kinh doanh tại các doanh nghiệp; tại công ty khởi nghiệp Fintech hoặc tự tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp fintech riêng cho bản thân.

Nhóm 5: Các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về tài chính, ngân hàng và công nghệ thông tin trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.

4.3.2. Khả năng học tập sau đại học

Sinh viên theo học Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) cũng được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể tự khởi nghiệp cũng như theo học các bậc học cao hơn ở các trường trong và ngoài nước.

4.4. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

4.4.1. Tiêu chí tuyển sinh

CTĐT ngành Công nghệ tài chính chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

1. Tốt nghiệp trung học phổ thông;
2. Đăng ký xét tuyển vào ngành Công nghệ tài chính của trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt-Hàn theo đúng các phương thức và tổ hợp xét tuyển quy định;
3. Có điểm bằng hoặc cao hơn điểm trúng tuyển theo các phương thức và tổ hợp môn xét tuyển của ngành Công nghệ tài chính của trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông Việt – Hàn.

4.4.2. Quá trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học ban hành kèm theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hình thức đào tạo chính quy toàn thời gian học tại Đại học CNTT & TT Việt-Hàn, Đại học Đà Nẵng. CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT và trường Đại học công nghệ thông tin và truyền thông Việt Hàn. Thời gian đào tạo trong 4 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng 8) và học kỳ hè (từ tháng 6). Theo lộ trình được thiết kế, sinh viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành từ học kỳ 1 đến học kỳ 4, các kiến thức chuyên ngành được học trong 4 học kỳ tiếp theo.

4.4.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên muốn tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 127 tín chỉ;

2. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
3. Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường;

- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Trường hợp sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế Toeic, yêu cầu tối thiểu 500.

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền Thông.

4. Đạt chuẩn đầu ra Kỹ năng mềm và Kỹ năng nghề nghiệp;

5. Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.

4.5. Cấu trúc và khung chương trình đào tạo

4.5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 5 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 8.

Bảng 8. Tỷ lệ phân bổ % các khối kiến thức trong CTĐT

STT	Khối kiến thức	Khối lượng		
		Số tín chỉ	%/Tổng khối lượng	%/Khối kiến thức
I	Khối kiến thức chung	31	24,8	
	Trong đó, khối kiến thức CNTT	3	2,4	9,7
II	Kiến thức tăng cường	8	6,4	
III	Khối kiến thức cơ sở ngành	40	32	
3.1	Khối kiến thức kinh tế, tài chính	28	22,4	70,0
3.2	Khối kiến thức về CNTT	12	9,6	30,0
IV	Kiến thức chuyên ngành	38	28,8	
4.1	Kiến thức bắt buộc	28	20,8	100,0
	+ <i>Khối kiến thức tài chính</i>	10	6,4	30,8
	+ <i>Khối kiến thức về CNTT</i>	10	8	38,5
	+ <i>Khối kiến thức kết hợp Tài chính và CNTT</i>	8	6,4	30,8
4.2	Kiến thức tự chọn	10	8	
	+ <i>Khối kiến thức Tài chính</i>	4	3,2	40,0
	+ <i>Khối kiến thức CNTT</i>	3	2,4	30,0
	+ <i>Khối kiến thức kết hợp Tài chính và CNTT</i>	3	2,4	30,0
V	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp	10	8	

Tổng cộng	127	100%	
------------------	------------	-------------	--

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh.

Bảng 9. Khung chương trình đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)

No	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		30	1	0	31	31	0	
1	DE1001	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	2,5	0,5	0	3	3	0	
2	SS1001	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	3	3	0	
3	SS1002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	0	0	2	2	0	
4	SS1003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	2	2	0	
5	SS1004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	2	2	0	
6	SS1005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	2	0	
7	SS1006	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	2	0	
8	ENG-ELE1	Tiếng Anh 1	3	0	0	3	3	0	
9	ENG-ELE2	Tiếng Anh 2	2	0	0	2	2	0	
10	ENG-ELE3	Tiếng Anh 3	2	0	0	2	2	0	
11	DE1002	Khởi nghiệp & Đổi mới sáng tạo	2	0	0	2	2	0	
12	DE1003	Đạo đức trong kinh doanh	2	0	0	2	2	0	
13	NS1013	Xác suất thống kê	2	0	0	2	2	0	
14	DE1004	Nhập môn ngành & kỹ năng mềm	1,5	0,5	0	2	2	0	
II	KHỐI KIẾN THỨC TĂNG CƯỜNG		7	1	0	8	8	0	
15	DE2020	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính 1	1,5	0,5	0	2	2	0	
16	DE2021	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính 2	1,5	0,5	0	2	2	0	
17	FL2018	Tiếng Anh nâng cao 1	2	0	0	2	2	0	
18	FL2019	Tiếng Anh nâng cao 2	2	0	0	2	2	0	

No	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			L.T	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
19	FL2022	Tiếng Hàn 1	2	0	0	2	0	2	
20	FL2023	Tiếng Hàn 2	3	0	0	3	0	3	
III	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		36	5	0	41	41	0	
21	DE2004	Kinh tế vĩ mô	3	0	0	3	3		
22	DE2005	Kinh tế vi mô	3	0	0	3	3		
23	DE2009	Nguyên lý Kế toán	3	0	0	3	3		
24	DE2006	Marketing căn bản	3	0	0	3	3		
25	DE20184	Toán ứng dụng trong Tài chính	2,5	0,5	0	3	3		
26	DE2008	Thống kê kinh doanh	2,5	0,5	0	3	3		
27	DE20185	Tài chính Doanh nghiệp	2,5	0,5	0	3	3		
28	DE21217	Nhập môn Công nghệ Tài chính	2	0	0	2	2		
29	DE20186	Kế toán Tài chính	1,5	0,5	0	2	2		
30	DE20187	Đầu tư tài chính	2,5	0,5	0	3	3		
31	DE20188	Quản trị Rủi ro Tài chính	2,5	0,5	0	3	3		
32	DE20189	Cơ sở Dữ liệu tài chính	2,5	0,5	0	3	3		
33	DE20190	Lập trình Python	2,5	0,5	0	3	3		
34	DE20192	Công nghệ Blockchain và Tiền mã hóa	1,5	0,5	0	2	2		
35	DE20193	Phân tích và trực quan hoá dữ liệu	1,5	0,5	0	2	2		
IV	KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		29,5	7,5	0	37	27		
	<i>Học phần bắt buộc (28 TC)</i>		21,5	5,5	0	27	27		
36	DE21194	Tài chính Doanh nghiệp nâng cao	2,5	0,5	0	3	3		
37	DE21195	Thanh toán quốc tế	2,5	0,5	0	3	3		
38	DE21196	Quản lý danh mục đầu tư tài chính	2,5	0,5	0	3	3		

No	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
39	DE21197	Quy định trong Fintech và Thị trường Tài chính số quốc tế	2	0	0	2	2		
40	DE21198	Ngân hàng Số	2,5	0,5	0	3	3		
41	DE21214	Tài chính xanh và Công nghệ bền vững	3	0	0	3	3		
42	DE20191	Ứng dụng Công nghệ học máy trong tài chính	1,5	0,5	0	2	2		
43	DE21199	Ứng dụng AI trong phát triển mô hình Kinh doanh Fintech	2	1	0	3	3		
44	DE21200	Phân tích Dữ liệu lớn trong tài chính	2	1	0	3	3		
45	DE21201	An toàn và bảo mật thông tin trong tài chính	1	1	0	2	2		
Học phần tự chọn(Lựa chọn tối thiểu 10 TC)			8	2	0	10	0	10	
46	DE21204	Tài chính Quốc tế	2,5	0,5	0	3		3	
47	DE21205	Thị trường Tài chính	2,5	0,5	0	3		3	
48	DE21206	Quản trị tài chính cá nhân	2,5	0,5	0	3		3	
49	DE21207	Mô hình tài chính	1,5	0,5	0	2		2	
50	DE21208	Đổi mới sáng tạo trong tài chính	2	0	0	2		2	
51	DE21209	Quản trị dự án công nghệ	2	1	0	3		3	
52	DE21210	Lập trình Python nâng cao	2	1	0	3		3	
53	DE21211	Công nghệ bảo hiểm	1,5	0,5	0	2		2	
54	DE21212	Dự án Công nghệ tài chính	0	0	2	2		2	
55	DE21213	Phân tích báo cáo tài chính	1	1	0	2		2	
56	DE21203	Ứng dụng AI trong giao dịch tài chính định lượng	2	1	0	3		3	
57	DE21215	Tích hợp IoT trong quản lý tài chính	1	1	0	2		2	
58	DE21216	Phân tích chuỗi thời gian và dự đoán tài chính	1	1	0	2		2	
59	DE21202	Dự báo với AI	2	1	0	3		3	
V	THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP		0	8	2	10	10	0	

No	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ				Loại học phần		Ghi chú
			LT	TH/BT	Thực tập	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn	
60	DE3001	Thực tập tốt nghiệp	0	0	2	2	2	0	
61	DE3002	Khóa luận tốt nghiệp	0	8	0	8	8	0	
		Tổng cộng	103	22,5	2	127	117	10	

Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt – Hàn (Đại học Đà Nẵng) về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ.

Ngoài ra, để tăng cường tính linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học của sinh viên theo từng định hướng cụ thể. Các học phần thuộc khối kiến thức tự chọn sẽ được nhóm theo 4 nhóm định hướng khác nhau. Các sinh viên sẽ được tư vấn và lựa chọn các học phần theo từng định hướng cụ thể, bao gồm:

*** Định hướng 1.** Nền tảng và phân tích tài chính

1. Tài chính Quốc tế (3TC)
2. Thị trường Tài chính (3TC)
3. Quản trị tài chính cá nhân (3TC)
4. Phân tích báo cáo tài chính (2TC)
5. Mô hình tài chính (2TC)

Định hướng 2. Đổi mới, sáng tạo và quản trị, phát triển dự án FinTech

1. Đổi mới sáng tạo trong tài chính (2 TC)
2. Quản trị dự án công nghệ tài chính (2TC)
3. Dự án Công nghệ tài chính (2TC)
4. Công nghệ bảo hiểm (2TC)
5. Tích hợp IoT trong quản lý tài chính (2TC)

*** Định hướng 3.** Ứng dụng AI và phân tích dữ liệu định lượng trong tài chính

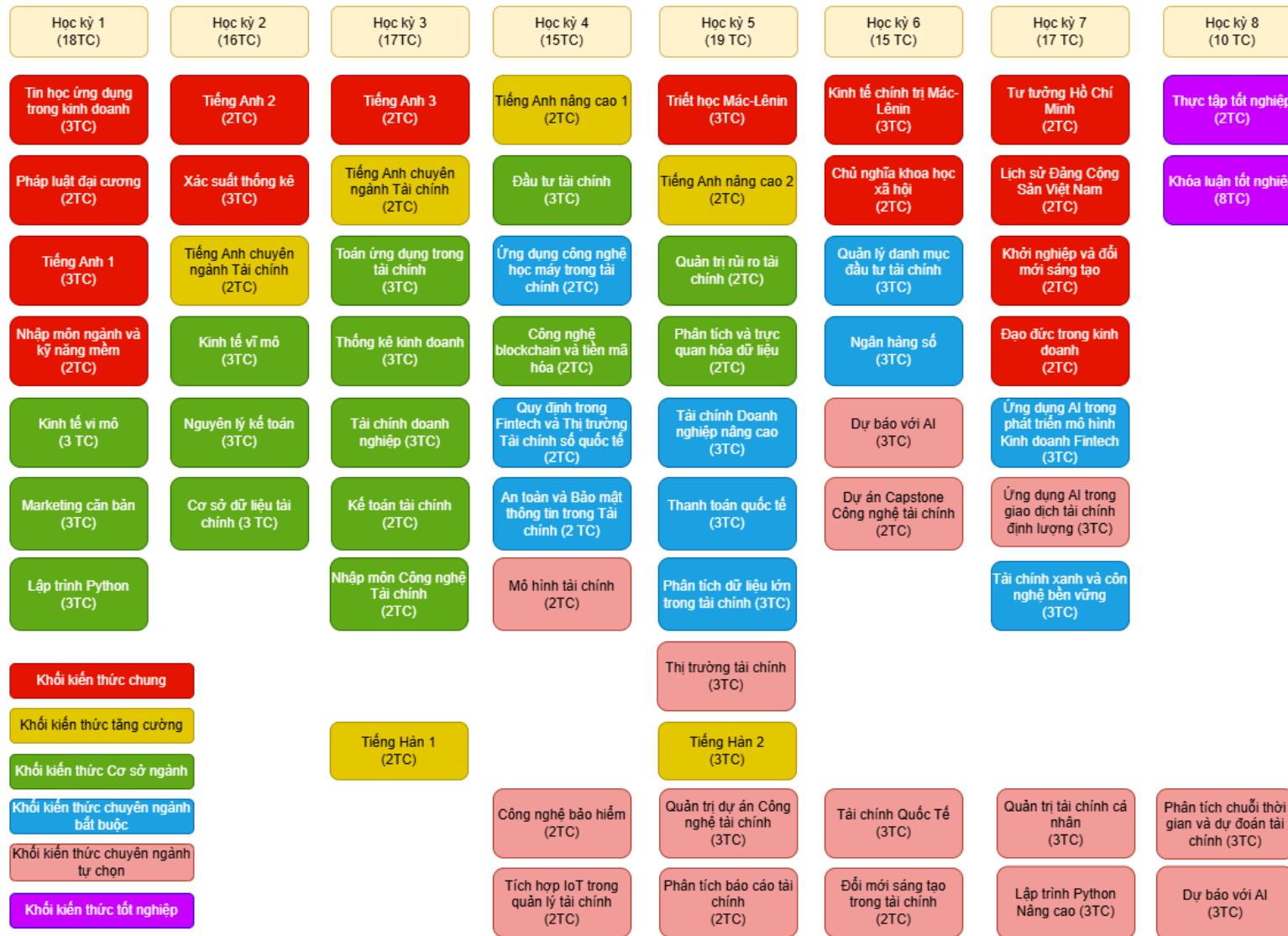
1. Phân tích chuỗi thời gian và dự đoán tài chính (2TC)
2. Dự báo với AI (3TC)

3. Ứng dụng AI trong giao dịch tài chính định lượng (3TC)
4. Lập trình Python nâng cao (3TC)
5. Mô hình tài chính (2TC)

*** Định hướng 4.** Công nghệ tích hợp và Đổi mới sáng tạo trong FinTech

1. Dự án Công nghệ tài chính (2TC)
2. Tích hợp IoT trong quản lý tài chính (2TC)
3. Ứng dụng AI trong giao dịch tài chính định lượng (3TC)
4. Đổi mới sáng tạo trong tài chính (2TC)
5. Công nghệ bảo hiểm (2TC)

Hình 3. Roadmap chương trình đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)



32	DE201 90	Lập trình Python	3	1				R	I											1	1	0	0
33	DE212 17	Cơ sở Dữ liệu tài chính	2				I																
34	DE201 92	Công nghệ Blockchain và Tiền mã hóa	2	4					I	I										2	0	0	0
35	DE201 93	Phân tích và trực quan hoá dữ liệu	2	5								M								0	0	1	0
KHỎI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH																							
	<i>Học phần bắt buộc (26TC)</i>																			0	0	0	0
36	DE211 94	Tài chính Doanh nghiệp nâng cao	3	5						R		M								0	1	1	0
37	DE211 95	Thanh toán quốc tế	3	5							R									0	1	0	0
38	DE211 96	Quản lý danh mục đầu tư tài chính	3	6						M		R								0	1	1	0
39	DE211 97	Quy định trong Fintech và Thị trường Tài chính số quốc tế	2	4			I										I			2	0	0	0
40	DE211 98	Ngân hàng Số	3	6			R													0	1	0	0
41	DE212 03	Tài chính xanh và Công nghệ bền vững	3	7				M									M	R		0	1	2	0
42	DE201 91	Ứng dụng Công nghệ học máy trong tài chính	2	4					R		M, A									0	1	1	1
43	DE211 99	Ứng dụng AI trong phát triển mô hình Kinh doanh Fintech	3	7				R	M, A					R			M			0	2	2	1
44	DE212 00	Phân tích Dữ liệu lớn trong tài chính	3	5													M,A			0	0	1	1
45	DE212 01	An toàn và bảo mật thông tin trong tài chính	2	4							I	I					M			2	0	1	0
<i>Học phần tự chọn(Lựa chọn tối thiểu 10 TC)</i>																							
46	DE212 04	Tài chính Quốc tế	3	6			R				I									1	1	0	0
47	DE212 05	Thị trường Tài chính	3	5		R	R				I									1	2	0	0
48	DE212 06	Quản trị tài chính cá nhân	3	5							I									0	0	0	0

4.5.2. Điểm khác biệt của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Công nghệ tài chính (Fintech) của trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông Việt-Hàn có sự khác biệt rõ nét với CTĐT của các trường Đại học khác trong cả nước, và Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng nhằm tạo nên sự khác biệt của CTĐT và thu hút công tác tuyển sinh của trường, khai thác thế mạnh về CNTT của nhà trường cũng như đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực cần thiết về Công nghệ truyền thông số, kinh tế số trong thời kỳ 4.0, cụ thể:

Thứ nhất, khác biệt đầu tiên là về định hướng của chương trình đào tạo Công nghệ tài chính. Với định hướng là trường đại học theo định hướng ứng dụng và lợi thế là trường đại học Công lập chuyên sâu về Công nghệ thông tin, do vậy CTĐT ngành Công nghệ Tài chính là được xây dựng theo định hướng ứng dụng, theo hướng *ứng dụng Công nghệ trong lĩnh vực Tài chính* với các khối kiến thức gồm tài chính, công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực Tài chính. Dự kiến, khối lượng các học phần Công nghệ thông tin và kết hợp Công nghệ thông tin chiếm 45% tổng khối lượng CTĐT. Đây là điểm khác biệt lớn đầu tiên với các CTĐT Công nghệ tài chính của các trường Đại học khác tại Việt Nam, và khác biệt với CTĐT ngành Công nghệ Tài chính của Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

Thứ hai, Chương trình đào tạo tích hợp sâu giữa tài chính và công nghệ thông tin. Trường có thế mạnh về công nghệ thông tin, và định hướng ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực tài chính, do đó các học phần được xây dựng theo hướng liên khoa, liên ngành với sự hỗ trợ rất lớn từ khoa Khoa học máy tính, Khoa Kỹ thuật máy tính và Điện tử của nhà trường. Chương trình không chỉ cung cấp các kiến thức cơ bản về tài chính mà còn đan xen chặt chẽ với các học phần về công nghệ thông tin như lập trình, phân tích dữ liệu, và phát triển phần mềm. Điều này giúp sinh viên không chỉ hiểu về lý thuyết tài chính mà còn có khả năng phát triển các ứng dụng công nghệ hỗ trợ lĩnh vực này.

Thứ ba, Chương trình đào tạo nhấn mạnh vào các công nghệ mới nổi. CTĐT ngành Công nghệ tài chính (Fintech) của trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông Việt-Hàn có những học phần được xây dựng trên cơ sở tham chiếu những CTĐT nước ngoài, tập trung vào các công nghệ mới như Blockchain và Tiền mã hóa; Ứng dụng Công nghệ học máy trong Tài chính, Trí tuệ Nhân tạo (AI) trong Tài chính, Dữ liệu Lớn (Big Data) và Phân tích Dữ liệu Tài chính, An toàn và bảo mật thông tin trong Tài chính, Fintech và Đổi mới Sáng tạo, Hệ thống Giao dịch Tự động (Algorithmic Trading Systems), Ngân hàng số, Ứng dụng Internet of Things (IoT) trong Tài chính, Ứng dụng AI trong phát triển mô hình kinh doanh Fintech, Dự báo với AI và Ứng dụng AI trong giao dịch tài chính định lượng. Các học phần liên quan đến những công nghệ này được thiết kế để sinh viên có thể áp dụng trực tiếp vào các giải pháp tài chính, từ giao dịch điện tử đến hệ thống quản lý tài chính thông minh.

Thứ tư, điểm nổi bật của chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính là nhấn mạnh đến vấn đề an toàn và bảo mật thông tin tài chính. Các vấn đề về An ninh mạng, đặc biệt là an toàn và bảo mật thông tin tài chính được đưa vào chương trình đào tạo. Sinh viên

sẽ được học cách bảo vệ các hệ thống tài chính khỏi các nguy cơ tấn công mạng, phát triển các giải pháp bảo mật cho giao dịch điện tử và tài sản kỹ thuật số. Bên cạnh đó, dự kiến, sinh viên cũng sẽ được trang bị các quy định pháp lý liên quan đến tài chính và công nghệ, cũng như cách quản lý rủi ro trong lĩnh vực này. Điều này giúp họ hiểu rõ hơn về khung pháp lý và các yêu cầu tuân thủ trong việc phát triển và vận hành các dịch vụ tài chính số.

Thứ năm, Chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính của trường Đại học được thiết kế với tính linh hoạt cao, với 13 học phần tự chọn được cấu trúc theo 4 nhóm tổ hợp theo các định hướng khác nhau, bao gồm:

- + *Định hướng 1. nền tảng và phân tích tài chính;*
- + *Định hướng 2. Đổi mới, sáng tạo và quản trị, phát triển dự án Fintech*
- + *Định hướng 3. Ứng dụng AI và phân tích dữ liệu định lượng trong tài chính*
- + *Định hướng 4. Công nghệ tích hợp và Đổi mới sáng tạo trong tài chính.*

Mỗi nhóm định hướng được thiết kế gồm 5,6 học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu theo từng định hướng khác nhau giúp sinh viên có thể củng cố kiến thức lý thuyết mà còn phát triển kỹ năng thực tiễn, sẵn sàng cho công việc sau khi ra trường. Điều này giúp sinh viên sẽ hình thành đầy đủ và thành thạo các kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp trong tương lai.

Thứ sáu, Chương trình đào tạo Công nghệ tài chính của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông Việt Hàn khác biệt so với chương trình đào tạo Công nghệ tài chính của các trường Đại học khác tại Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng là *chú trọng vào việc phát triển các ứng dụng Công nghệ vào lĩnh vực Fintech* và chú trọng đến tính ứng dụng trong thực tế. Sinh viên sẽ có các học phần và dự án thực tế về thiết kế, phát triển, và triển khai các ứng dụng tài chính số, từ ví điện tử đến các nền tảng giao dịch trực tuyến. Ngoài ra, trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt- Hàn áp dụng phương pháp học tập dựa trên dự án (project based learning), giúp sinh viên có cơ hội làm việc trên các dự án thực tế liên quan đến Fintech. Điều này không chỉ giúp sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết mà còn phát triển kỹ năng thực tiễn, sẵn sàng cho công việc sau khi ra trường.

Tóm lại, Chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính (Fintech) của trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông Việt-Hàn có sự khác biệt rõ nét với chương trình đào tạo của các trường Đại học khác và Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng ở một số điểm nổi bật cả về định hướng cũng như nội dung chương trình đào tạo, đồng thời cũng tận dụng được thế mạnh đào tạo Công nghệ Thông tin, đáp ứng được định hướng phát triển của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông Việt-Hàn, của Đại học Đà Nẵng và nhu cầu lao động đang rất cao hiện nay..

4.6. Kế hoạch, số lượng tuyển sinh và quy mô đào tạo của ngành trong thời gian 05 năm tới

4.6.1. Kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới

Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử xây dựng Chương trình đào tạo theo đúng qui trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT trình độ đại học qui định trong thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào Tạo, phù hợp với chiến lược đào tạo và các qui định của trường ĐH CNTT&TT Việt-Hàn.

Chương trình đào tạo được xây dựng đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo trình độ Đại học và có chuẩn đầu ra phù hợp với khung trình độ quốc gia Việt Nam. Theo đó, khối lượng về kết cấu giữa các khối kiến thức được xây dựng đảm bảo tính logic, khoa học với 5 khối kiến thức, trong đó chú trọng xây dựng CTĐT theo định hướng ứng dụng, có tính liên ngành mới và trang bị những kiến thức, kỹ năng thực tế cho sinh viên khi đảm nhận công việc sau khi tốt nghiệp.

Kế hoạch thực hiện tuyển sinh, thời lượng chương trình đào tạo và qui mô tuyển sinh dự kiến Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) được thực hiện theo lộ trình cụ thể, với các tiêu chí và mốc thời gian như sau:

- Thời gian mở ngành đào tạo: Năm 2025
- Thời gian tuyển sinh: Năm 2025
- Triển khai chương trình đào tạo: Năm học 2025-2026
- Thời lượng thực hiện chương trình đào tạo:

Ngành Công nghệ tài chính theo định hướng ứng dụng, thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hình thức đào tạo chính quy toàn thời gian tại Đại học CNTT & TT Việt-Hàn, Đại học Đà Nẵng.

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Đà Nẵng và trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt-Hàn. Tổng thời gian đào tạo trong 4 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính (từ giữa tháng 8) và học kỳ hè (từ tháng 6). Theo lộ trình được thiết kế, sinh viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành từ học kỳ 1 đến học kỳ 4, các kiến thức chuyên ngành và các kiến thức lý luận chính trị sẽ được học trong 4 học kỳ tiếp theo.

▪ Điều kiện tuyển sinh: Thực hiện tuyển sinh theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học công nghệ thông tin và Truyền thông Việt -Hàn.

- Qui mô tuyển sinh (dự kiến):

Bảng 11. Quy mô tuyển sinh dự kiến

Năm học	Quy mô tuyển sinh (SV)
2025-2026	60
2026-2027	120
2027-2028	120
2028-2029	180
2029-2030	240
2030-2031	240

4.6.2. Chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội

Hiệu quả và tác động xã hội của chương trình đào tạo được thể hiện thông qua vị trí việc làm có thể đảm nhận với đầy đủ các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm xã hội theo đúng quy định của khung năng lực trình độ quốc gia.

Với đội ngũ 48 giảng viên, trong đó có 36 giảng viên cơ hữu và 12 giảng viên kiêm nhiệm, với trình độ thạc sĩ trở lên, với 16 tiến sĩ tốt nghiệp từ các quốc gia Anh, Pháp, Đức, Nhật bản, Hàn Quốc. Đội ngũ này không ngừng nâng cao chuyên môn và đổi mới phương pháp giảng dạy để đáp ứng xu hướng hiện đại và hội nhập quốc tế để đào tạo sinh viên ngành Fintech với kiến thức nền tảng về tài chính - ngân hàng, cùng khả năng ứng dụng công nghệ 4.0. Chương trình học chú trọng phát triển năng lực sáng tạo, khởi nghiệp và thích ứng với môi trường công nghệ biến đổi nhanh chóng.

Việc mở ngành và đào tạo ngành công nghệ tài chính (Fintech) của khoa kinh tế số và thương mại điện tử, trường đại học Công nghệ thông tin và Truyền Thông Việt-Hàn đã thể hiện sự tiên phong trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành chiến lược, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố Đà Nẵng và cả nước. Sinh viên tốt nghiệp từ ngành Fintech của trường được đánh giá cao về kiến thức và kỹ năng, sẵn sàng tham gia vào thị trường lao động và đóng góp tích cực cho xã hội.

Bên cạnh đó, việc mở ngành và đào tạo ngành công nghệ tài chính (Fintech) của khoa kinh tế số và thương mại điện tử, trường đại học Công nghệ thông tin và Truyền Thông Việt-Hàn cũng thể hiện sự hợp tác và phát triển với các tổ chức, doanh nghiệp và thể hiện tình hữu nghị giữa 2 quốc gia Việt Nam-Hàn Quốc và góp phần vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, và chiến lược phát triển của khu vực Miền Trung-Tây Nguyên, đặc biệt là Thành phố Đà Nẵng.

4.6.3. Kế hoạch về hoạt động thực tế hợp tác với doanh nghiệp, tăng cường tính thực tiễn cho chương trình đào tạo

Trong triển khai đào tạo ngành Công nghệ tài chính (Fintech), khoa đã triển khai xây dựng chương trình chính khoá và ngoại khoá là hai vấn đề quan trọng và bổ sung cho nhau. Trước sự thay đổi về công nghệ thông tin, internet... không gian học tập, môi trường học tập không còn giống như các giai đoạn trước đây mà có 1 sự thay đổi mạnh mẽ. Với hệ thống và dữ liệu công nghệ, nguồn tài nguyên số thông qua các dữ liệu từ thư viện lớn của các quốc gia khắp châu lục, sinh viên có thể truy cập bất kỳ lúc nào để học tập và nghiên cứu. tham gia bất cứ tổ chức nghề nghiệp nào mà họ muốn, tìm hiểu những vấn đề mà họ quan tâm. Chính vì vậy, việc định hướng và hợp tác với các đơn vị bên ngoài nhà trường là vấn đề quan trọng, nhằm xoá liền khoảng cách giữa nhà trường và doanh nghiệp, hỗ trợ cho những phần còn hạn chế trong chương trình chính khoá. Đó là mục tiêu quan trọng cho nhà trường và khoa trong việc đào tạo nên những chuyên viên công nghệ tài chính đạt chuẩn đầu ra theo yêu cầu

Ngoài ra với mong muốn người học có thể áp dụng “học đi đôi với hành”, chương trình đào tạo dự kiến dành 5 tín chỉ cho các đề án thực tế, 4 tín chỉ cho 2 chuyên đề. Các đề án,

chuyên đề được phân bổ trong các học kỳ khác nhau, với mục đích cho sinh viên vận dụng tổng hợp kiến thức các học phần đã học tổng hợp trong kỳ đó theo cấp độ tăng dần, nhằm củng cố kiến thức và tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng kiến thức kịp thời.

Đồng thời, hiện nay trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt-Hàn đang thực hiện dự án ODA với sự tài trợ 8,8 triệu USD từ chính phủ Hàn Quốc. Với dự án này, Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử được đầu tư 1 hợp phần “Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo về Fintech” với hệ thống CSVC, phòng LAB, hệ thống Multimedia để phục vụ cho việc giảng dạy và đào tạo các ngành đào tạo của khoa, đặc biệt là ngành Công nghệ tài chính.

Khoa đã xây dựng được 1 mạng lưới các doanh nghiệp, các trường Đại học trong và ngoài nước hợp tác (Hanwha Group, Sinhan bank, Wooribank....) để thực hiện các hoạt động thực tế như workshop, fieldtrip, talkshow hay Tour thực địa, điều này giúp cho sinh viên có khả năng tiếp cận đầy đủ các kiến thức lý thuyết và thực tiễn. Hoạt động đi thực tế được triển khai theo cấp độ tăng dần theo lộ trình từ năm 1 đến năm 4 đảm bảo đúng định hướng ứng dụng, cụ thể như sau:

- Với năm 1, khoa hướng đến việc **nhận thức** về nghề nghiệp.
- Với năm 2, khoa hướng đến việc **tiếp cận** nghề nghiệp
- Với năm 3, khoa hướng đến việc **thực hành** kỹ năng, năng lực nghề nghiệp
- Với năm 4, khoa triển khai **thực tập** nghề nghiệp

Bảng 12. Danh sách các doanh nghiệp tham gia ký kết hợp tác trong đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech)

STT	Doanh nghiệp	Lĩnh vực	Năm hợp tác	Nội dung hợp tác
01	Hitachi Vantara	Giải pháp CNTT	2020	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ XD CTĐT ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
02	Cty Enovo	Digital Marketing, Fintech	2021	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ XD CTĐT ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
03	Logigear	CNTT, Digital Marketing; Fintech	2020	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
04	Cty VNPT Đà Nẵng	Viễn thông	2021	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ XD CTĐT ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
05	Cty Axon Active	CNTT, Fintech	2021	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ XD CTĐT

STT	Doanh nghiệp	Lĩnh vực	Năm hợp tác	Nội dung hợp tác
				<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
06	Cty Nash Tech	CNTT, Fintech	2021	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ XD CTĐT ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
07	Cty Rikkeisoft	CNTT, Fintech	2021	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ XD CTĐT ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
08	Cty Hekate	CNTT, Fintech	2021	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ XD CTĐT ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
09	Công ty Sepay	CNTT, Fintech	2022	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hỗ trợ XD CTĐT ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
10	Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Đà Nẵng	Tài chính -Ngân hàng	2020	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
11	Ngân hàng BIDV Hải Vân	Tài chính -Ngân hàng	2020	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
12	Công ty MISA	Quản lý tài chính	2020	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
13	Công ty MOMO	Fintech	2022	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
14	Tập đoàn Hanwah life (Hanwah insurance)	Tài chính Bảo hiểm	2023	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án
15	Ngân hàng Nông nghiệp Agribank	Tài chính – Ngân hàng	2020	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tham gia đào tạo, tập huấn ▪ Kiến tập, thực tập sinh viên ▪ Hỗ trợ sinh viên thực hiện dự án

Khoa thường xuyên mời các khách mời đến từ doanh nghiệp tham gia vào công tác giảng dạy, talkshow, workshop, đối thoại để giúp sinh viên nâng cao hiểu biết, tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp, góp phần hoàn thiện kiến thức, kỹ năng chuyên môn

Bên cạnh đó, khoa cũng thường xuyên tổ chức tham quan doanh nghiệp cho sinh viên các khoá, giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nghề nghiệp, góp phần hoàn thiện kiến thức, kỹ năng chuyên môn.

Hiện nay, khoa đã ký kết và hợp tác với 13 doanh nghiệp và tổ chức có uy tín để tiếp nhận sinh viên của khoa trong quá trình đào tạo, thực tập, kiến tập nghề nghiệp. Với triết lý giáo dục “Nhân bản – Phụng Sự - Khai phóng”, và phương châm lấy người học làm trung tâm, khoa và nhà trường tổ chức cho đội ngũ giảng viên chủ nhiệm, cố vấn học tập là những người giúp đỡ, quản lý sinh viên, hỗ trợ sinh viên và lập kế hoạch tổ chức trao đổi tư vấn cho sinh viên một cách thường xuyên nhằm giúp đỡ các sinh viên nhanh chóng hoà nhập với môi trường văn hoá học đường và hoàn thiện kế hoạch học tập một cách tốt nhất.

IV. PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP ĐỀ PHÒNG, NGĂN NGỪA, XỬ LÝ RỦI RO TRONG MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giải pháp và lộ trình thực hiện

Chương trình đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) được xây dựng tuân thủ đầy đủ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền Thông Việt Hàn. Khung chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở tham chiếu các chương trình đào tạo của các trường Đại học quốc tế và các trường Đại học đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) hàng đầu tại Việt Nam như Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, Học viện bưu chính viễn thông, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng và kết quả khảo sát của các bên liên quan bao gồm khảo sát nhu cầu người học, nhu cầu của nhà tuyển dụng và đội ngũ giảng viên. Theo đó, khối lượng về kết cấu giữa các khối kiến thức được xây dựng đảm bảo tính logic, khoa học với 5 khối kiến thức, chú trọng xây dựng CTĐT theo định hướng ứng dụng, có tính liên ngành mới và trang bị những kiến thức, kỹ năng thực tế cho sinh viên khi đảm nhận công việc sau khi tốt nghiệp. Lộ trình đào tạo được tổ chức theo từng khối gắn với kiến thức đào tạo theo từng năm.

Để thực hiện việc xây dựng chương trình đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech), Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử, Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền Thông Việt Hàn đã thực hiện nghiên cứu các tài liệu, chương trình đào tạo của các trường Đại học trên thế giới có đào tạo Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) và các chương trình đào tạo của các trường Đại học hàng đầu trong nước và thực hiện các đợt phỏng vấn, khảo sát các đối tượng có liên quan đến những nội dung này.

** Phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo*

Về đội ngũ giảng viên phục vụ cho ngành Công nghệ tài chính (Fintech), Khoa Kinh tế số và Thương mại điện tử thuận lợi khi có nguồn lực dồi dào với 1 PGS, 12 tiến sĩ và 7 thạc sĩ liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán và công nghệ thông tin được đào tạo từ các

nước phát triển (Anh, Pháp, Nhật, Hàn Quốc, Đài Loan..) cùng rất nhiều các giảng viên phù hợp ngành Công nghệ tài chính (Fintech) hoặc các ngành có liên quan, đủ năng lực cho công tác đào tạo ngành Công nghệ tài chính (Fintech) trong ít nhất 5 năm tiếp theo. Hiện tại, khoa đang thực hiện kế hoạch phát triển 2 giảng viên có học hàm Phó giáo sư, và 3-4 giảng viên có học vị Tiến sĩ các ngành Công nghệ tài chính (Fintech) trong giai đoạn 2025-2030 để phục vụ cho việc triển khai chương trình đào tạo của ngành Công nghệ tài chính (Fintech) nói riêng và các ngành của khoa đang quản lý nói chung.

Là một chương trình đào tạo mới, tiệm cận với chương trình đào tạo tiên tiến hiện nay của các trường đại học trên thế giới, để đáp ứng việc tổ chức thực hiện và phát triển chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính (Fintech), chính sách phát triển đội ngũ giảng viên của khoa, nhà trường được xây dựng theo định hướng cụ thể như sau:

- Ưu tiên tuyển dụng đội ngũ giảng viên có chất lượng cao, có khả năng ngoại ngữ tốt, có năng lực sư phạm, có năng lực nghiên cứu khoa học tốt và tốt nghiệp từ các nước tiên tiến trên thế giới.

- Đồng thời, tập trung phát triển phát triển đội ngũ giảng viên hiện tại với các giải pháp cụ thể như sau:

- Tiếp nhận kiến thức và các phương pháp giảng dạy từ các chuyên gia đến từ các doanh nghiệp, doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp tài chính và các ngân hàng tại Việt Nam và trên thế giới.

- Hợp tác về hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo nguồn nhân lực cũng như giải quyết các vấn đề mới, xu hướng mới nổi trong hoạt động tài chính với các trường, viện trong nước và quốc tế.

- Tăng cường tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn, trung hạn về các chủ đề mang tính thời sự và cập nhật kiến thức nhằm ngày càng nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo.

- Mời các chuyên gia/các nhà quản trị có kinh nghiệm thực tiễn tại các doanh nghiệp tham gia giảng dạy, chia sẻ kiến thức theo hình thức chuyên gia, giảng dạy thực hành và đồng hướng dẫn dự án thực tế, học phần tốt nghiệp. Đồng thời cử giảng viên cơ hữu tham gia học hỏi kinh nghiệm, trao đổi để nâng cao năng lực, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn.

*** Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo**

- Nhà trường tự đánh giá chất lượng của chương trình đào tạo và có kế hoạch chuẩn bị các điều kiện cho kiểm định chương trình.

- Đăng ký kiểm định chương trình sau 2 khoá tốt nghiệp theo quyết định của nhà trường. Dự kiến năm 2031 sẽ thực hiện kiểm định chương trình đào tạo

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình và thực hiện đăng ký kiểm định quốc tế theo định hướng của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông Việt Hàn, Đại học Đà Nẵng.

2. Phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro

* *Tình huống rủi ro có thể xảy ra và biện pháp ngăn ngừa*

Tình huống 1. Tự chủ mở ngành khi chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục đại học và quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Giải pháp xử lý:

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền Thông Việt -Hàn là một thành viên của Đại học Đà Nẵng, Đại học vùng trọng điểm quốc gia. Đại học Đà Nẵng có quy định cụ thể về việc mở ngành đào tạo theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với đặc thù của Đại học Đà Nẵng. Vì vậy, giải pháp duy nhất để ngăn ngừa tình huống rủi ro này có thể xảy ra là thực hiện đúng, đầy đủ các quy định theo văn bản quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục & Đào tạo; Đại học Đà Nẵng theo thời điểm hiện hành, cụ thể:

Thứ nhất, xây dựng kế hoạch thực hiện mở ngành cùng với các hồ sơ về điều kiện mở ngành và báo cáo đề xuất chủ trương mở ngành lên Hội đồng khoa học và Đào tạo của trường.

Thứ hai, thông qua phê duyệt chủ trương của Hội trường về việc mở ngành với hồ sơ bao gồm: Báo cáo đề xuất mở ngành, Tờ trình, Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế mở ngành, chương trình đào tạo và đề án mở ngành kèm biên bản họp của Hội đồng khoa học và Đào Tạo

Thứ ba, lập hồ sơ và trình xin ý kiến của Đại học Đà Nẵng về việc mở ngành: Văn bản đề nghị của nhà trường gửi ĐHĐN kèm theo: Báo cáo đề xuất chủ trương mở ngành, Nghị quyết của Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành.

Thứ tư, Thực hiện việc xây dựng chương trình đào tạo và thực hiện các thủ tục theo đúng qui định của ĐHĐN và Hướng dẫn 1442/HD-ĐHVH ngày 01/12/2021

Thứ năm, Xây dựng đề án đăng ký mở ngành và thực hiện thủ tục thẩm định đề án mở ngành

Thứ sáu, Thực hiện thủ tục đề nghị mở ngành lên Đại học Đà Nẵng kèm theo hồ sơ đề án.

Tình huống 2. Tự chủ mở ngành khi chưa đủ một trong các điều kiện được mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật (bao gồm cả các điều kiện phải cam kết trong đề án mở ngành đào tạo).

Giải pháp ngăn ngừa: Thực hiện việc rà soát, cập nhật và bổ sung đầy đủ các điều kiện mở ngành theo quy định tại điều 4, Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 trước khi thực hiện hồ sơ đăng ký mở ngành.

* **Giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo**

Căn cứ theo Điều 12 Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định rõ cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo đối với ngành

đã được mở khi có kết luận về việc vi phạm ở một trong 2 trường hợp, do vậy giải pháp xử lý rủi ro của Khoa và Nhà trường cụ thể như sau:

Tình huống 1. Tự chủ mở ngành khi chưa đủ điều kiện để được tự chủ mở ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

Giải pháp xử lý rủi ro: Tìm hiểu, phân tích nguyên nhân của rủi ro và thực hiện khẩn cấp các biện pháp khắc phục các rủi ro. Thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo không tiếp tục tuyển sinh ngành đã mở trong 5 năm tiếp theo. Đồng thời, thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học, nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của nhà trường. Bên cạnh đó, khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục để đảm bảo các điều kiện đầy đủ để mở ngành theo đúng quy định tại điều 3 của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tình huống 2: Tự chủ mở ngành khi chưa đủ một trong các điều kiện được mở ngành đào tạo theo quy định tại Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

Giải pháp xử lý rủi ro: Buộc chuyển người học đủ điều kiện trúng tuyển đã nhập học sang cơ sở giáo dục khác đủ điều kiện được phép hoạt động giáo dục hoặc hủy bỏ quyết định trúng tuyển, trả lại kinh phí đã thu cho người học nếu không chuyển được đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 12 nghị định 04/2021/NĐ-CP. Buộc nộp lại và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi quyết định cho phép mở ngành đào tạo, chuyên ngành đào tạo đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Bên cạnh đó, khẩn trương thực hiện các biện pháp khắc phục để đảm bảo các điều kiện đầy đủ để mở ngành theo đúng quy định tại điều 3 của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Thông tin công khai

Việc xây dựng đề án mở ngành, xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học (cử nhân) ngành Công nghệ tài chính được thực hiện theo:

- Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ban hành ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Quyết định số 4305/QĐ-ĐHĐN ban hành ngày 08/11/2022 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ mở ngành và chuyên ngành đào tạo các trình độ của giáo dục tại Đại học Đà Nẵng.

Đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học: Toàn bộ nội dung hồ sơ mở ngành đào tạo đã được đưa lên website của trường: www.vku.udn.vn

2. Đề nghị của cơ sở đào tạo

Từ những số liệu và phân tích ở trên, có thể nhận thấy rằng, nhu cầu nguồn nhân lực tài chính cho Thành phố Đà Nẵng và khu vực miền Trung-Tây Nguyên, cũng như cả nước là rất lớn. Để thực hiện tốt sứ mạng đã tuyên bố và xét thấy năng lực hiện có, Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt - Hàn mong muốn đóng góp phần công sức của mình trong việc đào tạo nguồn nhân lực ngành Công nghệ tài chính trình độ đại học, nhằm đáp ứng nhu cầu cho sự phát triển kinh tế, xã hội trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, cũng như xu thế chuyển đổi số hiện nay.

Đề án mở Ngành Công nghệ tài chính (Fintech) trình độ Đại học của trường Đại học công nghệ thông tin và truyền thông Việt Hàn đáp ứng đầy đủ các điều kiện mở ngành, chuyên ngành đào tạo được quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

Kính mong được lãnh đạo Đại học Đà Nẵng quan tâm, tạo điều kiện cho công tác mở ngành để đáp ứng nhu cầu rất lớn về nguồn lao động ngành Công nghệ tài chính (Fintech), đồng thời, giúp phát huy năng lực đào tạo của trường Đại học công nghệ thông tin và truyền thông Việt Hàn.

3. Cam kết triển khai thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường Đại học công nghệ thông tin và truyền thông Việt Hàn luôn chú trọng phát huy, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên theo hướng tiếp cận nhu cầu xã hội, tiếp cận sự phát triển của công nghệ số trong cả chuyên môn và cách thức truyền đạt. Ngoài ra, cơ sở vật chất bao gồm cả nguồn lực thư viện, trang bị thực hành sẽ luôn được nâng cấp nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người học. Tiếng nói từ các bên liên quan bao gồm doanh nghiệp sử dụng lao động, sinh viên, giảng viên đóng vai trò là động lực then chốt cho các nỗ lực củng cố và phát triển chương trình đào tạo cũng như cách thức vận hành ngày càng hiệu quả.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. HUỲNH NGỌC THỌ